

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

Cẩm Phả, tháng năm 2019

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

TT	TÊN TÀI LIỆU	GHI CHÚ
1	Danh mục tài liệu	
2	Chương trình Đại hội	
3	Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội	
4	Báo cáo kết quả SXKD năm 2018, Kế hoạch SXKD 2019	
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018	
6	Báo cáo tài chính tóm tắt	
7	Báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018	
8	Báo cáo của BKS về hoạt động quản lý của HĐQT và ban Giám đốc	
9	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán	
10	Tờ trình Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018	
11	Tờ trình phân phối thù lao 2018 và kế hoạch thù lao 2019	
12	Tờ trình thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh	
13	Tờ trình thay đổi và bầu bổ sung thành viên HĐQT	
14	Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT	

Số: 573 /CTr-VMC

Cầm Phá, ngày 12 tháng 3 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Từ: 07h15 ngày 25/4/2019

TT	Nội dung	Người thực hiện
1	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
2	Ôn định tổ chức, Chào cờ hát quốc ca	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
3	Đọc lời khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
4	Mời Chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
5	Cử Thư ký Đại hội, tổ giúp việc thư ký và đề cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
6	Trình bày Quy chế, chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Nguyễn Quang Huy TP. TC-HC
8	Biểu quyết thông qua Quy chế, chương trình Đại hội.	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
9	Ban thẩm tra tư cách Cổ đông đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	Ban Kiểm tra tư cách CD
10	Trình bày Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương án kinh doanh năm 2019.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
11	Trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác trong năm 2018,	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
12	Trình bày Báo cáo tài chính tóm tắt, Báo cáo thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán .	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
13	Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong năm 2018	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
14	Trình bày Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ kiểm toán kết quả kinh doanh của Công ty năm 2019.	Ông Hoàng Mạnh Hùng TB Kiểm soát
15	Trình bày phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2018.	Bà Phạm Thu Hương; Kế toán trưởng

16	Báo cáo tiền thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018. Đề xuất tiền thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019.	Bà Phạm Thu Hương; Kế toán trưởng
17	Thông qua Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
18	Thông qua Tờ trình về việc thay đổi, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023.	Ông Phạm Minh Tuấn, TV HĐQT- GD Công ty
19	Thảo luận của các cổ đông về các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
20	Ý kiến của Chủ tọa Đại hội về tiếp thu các ý kiến của các cổ đông	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
21	Biểu quyết thông qua các nội dung do HĐQT và BKS trình bày	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
22	Trình bày Dự thảo biên bản, nghị quyết Đại hội	Thư ký
23	Thảo luận và Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT
24	Bế mạc Đại hội	Ông Nguyễn Văn Tứ Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận

- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu VT, T.ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

Số: /QC-VMC

Cầm Phả, ngày 25 tháng 4 năm 2019

Dự thảo

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ,
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông, sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông trước khi Đại hội phải gặp Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận thẻ biểu quyết và vị trí ngồi. Ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do ban tổ chức quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức.
2. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy và không hút thuốc lá trong phòng Đại hội
3. Trang phục đi dự Đại hội: Trang trọng, lịch sự, không được đi dép lê, đội mũ vào Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các điện thoại di động phải tắt hoặc để ở chế độ im lặng

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt tham dự Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp 1 thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết một vấn đề bằng thẻ các cổ đông đồng ý sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội

3. Thẻ lệ biểu quyết

Mỗi cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) ứng với 1 đơn vị biểu quyết.

3.1. Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội.

3.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- h) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

3.3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;
- g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

3.4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (trừ các nội dung quy định tại Mục 3.3) khi có từ 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào những trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình nghị sự đang diễn ra theo đúng chương trình nghị sự

đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, giải đáp các thắc mắc của các Cổ đông.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều hành Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ VÀ BỘ PHẬN GIÚP VIỆC

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản Đại hội, Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

Xác định kết quả biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2019. Mọi Cổ đông đến dự Đại hội phải tuân thủ sau khi Quy chế trên được Đại hội thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (e-copy);
- Ban chỉ đạo ĐH(e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Tứ

Số: 756 /BC-VMC

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2018 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

Công ty triển khai thực hiện kế hoạch năm 2018 trong điều kiện có những thuận lợi cơ bản:

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch phối hợp kinh doanh tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm; Bên cạnh đó Công ty đã ký kết được các hợp đồng với Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất để chế tạo các thiết bị tạo nhiều việc làm cho các phân xưởng Cơ khí, kết cấu xây lắp.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Đảng ủy, HĐQT, Ban Giám đốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh. tạo ra sức mạnh tổng hợp, nhất trí trong hệ thống chính trị.

- Phát huy truyền thống 50 năm thành lập Công ty tạo ra niềm tin của người lao động, giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ Công ty tập trung cho việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất và đời sống.

1.2. Khó khăn

Công ty tiếp tục gặp những khó khăn ngày càng gay gắt hơn:

- Lực lượng lao động lành nghề giảm sút;
- Phần lớn máy móc thiết bị đã hoạt động lâu năm, độ chính xác và năng suất thấp, chất lượng sản phẩm không cao;

- Tình hình công nợ chưa được cải thiện làm tăng chi phí, tăng rủi ro tài chính, khó tham dự đấu thầu ngay cả trong ngành Than;

- Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục tăng cao, việc điều chỉnh tăng giá

(Chữ ký)

sản phẩm làm giảm tính cạnh tranh đối với một số sản phẩm của Công ty điển hình là các sản phẩm qua đúc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

2.1. Các chỉ tiêu tổng hợp theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	KH Đại hội cổ đông 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %	
						So với TH 2017	So với KH ĐHC Đ 2018
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.123.726	1.130.000	1.485.314	132	131,4
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	441.256	430.000	504.147	114	117,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.583	8.400	9.898	115	108
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.862		7.902	115	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	11,02		13,42	122	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	14,6		16,82	115	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	556.926		533.732	96	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		201.871		176.229	0,87	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	35.822		22.238	0,62	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		35.022		18.065	0,52	
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		0,80		0,77	0,98	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	81.340	81.482	94.105	115,6	115,5
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	938	936	882	94	94
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng/th	7,226	7,254	8,891	123	122,7
13	Cổ tức	%	8	9	10	125	111

(Các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD và kế hoạch ĐTXD trong Phụ lục đính kèm Báo cáo này)

2.2. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

2.2.1. Về chỉ tiêu doanh thu và giá trị sản xuất

- Doanh thu đạt 1.485,314 tỷ đồng/KH 1.130 tỷ bằng 131,4% kế hoạch;
- Giá trị sản xuất thực hiện 504,147 tỷ đồng/KH năm 430,0 tỷ đồng bằng 117,2% kế hoạch.

Kết quả đạt doanh thu và giá trị sản xuất vượt so với kế hoạch đầu năm do: (i) trong năm 2018 sản phẩm Than của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tiêu thụ tốt cho nên các khâu dịch vụ sản xuất Cơ khí của Công ty cũng có nhiều thuận lợi tăng theo; (ii) Công ty đã ký kết được các hợp đồng với Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất để chế tạo các thiết bị tạo nhiều việc làm cho các phân xưởng Cơ khí, kết cấu xây lắp; (iii) việc thực hiện công tác điều hành quyết liệt cùng các giải pháp đồng bộ và phối hợp tốt các tổ chức

chính trị; (iv) Cán bộ, Công nhân, Người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất, tăng ca, thêm giờ trong năm 2018 lập thành tích chào mừng 50 năm thành lập Công ty.

2.2.2. Về sản phẩm chủ yếu

*** Sửa chữa thiết bị mỏ:**

Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2018 đạt 57 máy/KH 51 máy, bằng 112% KH năm, bằng 109% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

- Sửa chữa xe gạt các loại: Đạt 09 xe/KH 08 xe, bằng 113% KH năm 2018, bằng 100% so với cùng kỳ 2017.

- Sửa chữa máy xúc EKG: Đạt 09 máy/KH 10 máy, bằng 90% KH năm, bằng 82% so với cùng kỳ năm 2017;

- Sửa chữa máy xúc thủy lực các loại: Đạt 7 máy/KH 10 máy, bằng 70% KH năm, bằng 110% so với năm 2017;

- Sửa chữa máy khoan xoay cầu: Đạt 09 máy/KH 07 máy, bằng 129% KH năm, bằng 150% so với năm 2017;

- Sửa chữa máy khoan khác: Đạt 01 máy/KH 01 máy, bằng 100% KH năm;

- Sửa chữa các thiết bị khác: Đạt 22/KH 15 thiết bị bằng 147% KH năm, bằng 105% so với cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung, công tác sửa chữa thiết bị mỏ đạt khá, hầu hết các thiết bị đều đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra.

*** Chế tạo thiết bị, phụ tùng:**

- Chế tạo vì lò: đạt 29.014 tấn/KH 31.000 tấn, bằng 94% KH năm, bằng 98% thực hiện cùng kỳ 2017.

- Cán thép vì lò: sản xuất đạt 65.041 tấn/KH 65.000 tấn, trên 100% KH năm; trong đó bán ra ước đạt 39.406 tấn/KH 34.000 tấn, bằng 116% KH năm; sản xuất tăng 18%, tiêu thụ tăng 33% so với cùng kỳ năm 2017; Sản xuất thép chống lò đã đạt sản lượng đề ra là sự cố gắng rất lớn góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu kế hoạch năm 2018.

- Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 320 tấn/KH 500 tấn, bằng 64% KH năm; nguyên nhân khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp dẫn đến việc tiêu thụ sản phẩm đạt thấp (các loại răng gầu máy xúc không còn cạnh tranh được với các đơn vị ngoài TKV);

- Phục hồi phụ tùng: đạt 617 tấn/KH 400 tấn, bằng 154% KH năm;

- Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 951 tấn/kế hoạch năm 400 tấn, đạt 238% kế hoạch năm (Biểu phụ lục 01 đính kèm).

2.2.3. Lợi nhuận:

Công ty đạt 9,898 tỷ/8,4 tỷ đồng đạt 117,8% kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

2.2.4. Lao động và tiền lương:

Công ty đã thực hiện tinh giảm lao động để đảm bảo ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Lao động bình quân 882 người/định mức 936 người bằng 94%; Tiền lương bình quân đạt 8.891.000/KH 7.254.000 đồng/người/tháng, đạt 122,6% kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách. Cụ thể:

- Công tác định biên, Công ty đã kiện toàn, sắp xếp lại mô hình tổ chức từ 09 phòng, 08 phân xưởng, 01 chi nhánh sang mô hình mới gồm 07 phòng; 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh; giảm số lượng lao động quản lý, lao động phục vụ, phụ trợ là 19 người và thực hiện giao khoán chi phí đối với bộ phận Nhà ăn công nghiệp từ Tháng 6/2018.

- Công tác xã hội hóa: đã thuê Công ty TNHH bảo vệ Hồng Hà thực hiện dịch vụ bảo vệ vòng ngoài, đảm bảo tốt về an ninh, an toàn tài sản trong Công ty.

- Áp dụng các hình thức vận động, chuyển đổi nghề nghiệp, miễn nhiệm các chức danh cán bộ dôi dư (cấp phó trưởng phòng), từng bước tinh giản lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ, đồng thời thực hiện đào tạo lại để nâng cao năng lực của cán bộ, công nhân, người lao động để phù hợp với sự thay đổi.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC

3.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, do có nguồn công việc gói đầu từ năm 2017 chuyển sang nên từ những tháng đầu năm việc làm đáp ứng nhu cầu việc làm ở mức cao cho toàn thể người lao động;

- Về cơ bản, đã duy trì thị trường về những sản phẩm thế mạnh của Công ty đã được Tập đoàn TKV phân công thị trường trong Hợp đồng phối hợp kinh doanh như sửa chữa thiết bị mô, sản xuất vì chống lò,...;

- Đấu thầu được việc chế tạo các thiết bị cho dự án nhà máy Cán thép Hòa Phát (khối lượng trên 600 tấn); Sửa chữa các thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV;

- Công ty đã tập trung vào phát triển ổn định sản phẩm chủ lực là cán thép vì lò đồng bộ 3 loại sản phẩm chính, tạo ra sản phẩm chủ lực cho Công ty.

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn không ít hạn chế: (i) thị phần cột chống, giá khung đã có chuyển biến tốt song chưa đạt yêu cầu đề ra; (ii) nguy cơ giảm thị phần sửa chữa thiết bị, sản phẩm đúc; (iii) chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước,...vv.

3.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, từ đó đã thực hiện tốt tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,... vv.

Trong quá trình điều hành đã thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả hợp giao ban điều hành sản xuất, tạo sự chuyển biến tích cực trong điều hành.

Tuy nhiên, kết quả công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mờ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả và gây ra nguy cơ giảm thị phần khâu sửa chữa thiết bị mờ.

- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn chưa đồng bộ, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao.

- Tiến độ thanh quyết toán Dự án Vàng Danh 2 còn chậm so với yêu cầu.

3.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, kiểm soát quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng.

- Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ định kỳ, đánh giá theo Chương trình của Quacert về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Tuy nhiên công tác chất lượng còn có những hạn chế: Việc thực hiện giám sát chuyển bước nguyên công chưa thực sự chặt chẽ; Vẫn đề xảy ra các sản phẩm “lọt lưới sau tổng kiểm”, đặc biệt là chất lượng sản phẩm đúc không ổn định, mất thị trường, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

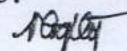
3.4. Công tác kỹ thuật và chế tạo sản phẩm mới

- Công tác thiết kế và kỹ thuật đã tập trung lập các biện pháp thi công, an toàn cho các công trình sửa chữa, chế tạo thiết bị bao gồm cả công tác phê duyệt đăng kiểm bản vẽ.

- Xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm đúc, áp dụng công nghệ khuôn/mẫu kim loại đối với sản phẩm hàng loạt (thanh ghi thiêu kết...); thực hiện các giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng làm khuôn, sấy khuôn.

- Đối với các thiết bị thuộc dây chuyền cán thép đã được Công ty chỉ đạo quyết liệt, đang tiếp tục thực hiện các Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò (theo Quyết định số 1788/QĐ-VMC ngày 15/6/2017 của Giám đốc Công ty), tập trung giải quyết đảm bảo chất lượng, ổn định sản phẩm thép cán SVP27, SVP22, SVP17. Đã hoàn thành thiết kế và cán thép SVP33 thành công vào cuối tháng 6 năm 2018.

- Tăng cường Hệ thống quản lý chất lượng thông qua việc Công ty chuyển đổi thành công từ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 sang ISO 9001:2015, đã được đơn vị QUACERT cấp giấy chứng nhận. Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ định kỳ, đánh giá theo Chương trình của Quacert về Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.



- Công tác sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất: Trong năm 2018 xét đạt 81/98 sáng kiến được đăng ký, với tổng số tiền thưởng 128.700.000 đồng, vượt 06 sáng kiến so với kế hoạch. Trong đó có nhiều sáng kiến mang lại lợi ích kinh tế cao và tạo ra sự hăng hái trong thi đua lao động sáng tạo.

Tuy nhiên, công tác kỹ thuật công nghệ vẫn còn một số hạn chế:

- Công tác sửa chữa tuy đã có nhiều cố gắng song vẫn còn yếu (chưa làm chủ phần mềm) trong khâu hiệu chỉnh thiết bị sau sửa chữa.

- Việc thực hiện các quy trình công nghệ, phương án thi công đã được chú trọng, nhưng vẫn còn có chỗ, có nơi làm chưa đúng quy trình ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

3.5. Công tác đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án

Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt và Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Giá trị thực hiện năm 2018 đạt: 17.388 triệu đồng/ 19.901 triệu đồng đạt 87% kế hoạch điều chỉnh năm, trong đó:

+ Chi phí xây lắp: 2.788/2.810 triệu đồng đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm;

+ Chi phí thiết bị: 14.431/16.131 triệu đồng đạt 89% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Chi phí khác: 169/960 triệu đồng đạt 18% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong các văn bản hướng dẫn luật đầu tư, luật đấu thầu,...và các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

3.6. Công tác vật tư, kho tàng

Công tác vật tư năm 2018 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất. Công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định.

* Kết quả giá trị nhập - xuất vật tư tồn kho năm 2018:

ĐVT: tỷ đồng

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu (31/12/2017)	Nhập kho	Xuất kho	Dự kiến tồn (31/12/2018)
Tổng số	35,330	1.216,982	1.203,622	48,689
<i>Vật liệu:</i>	35,140	1.173,082	1.159,657	48,565
- Phôi thép	0	914,329	914,329	0
- Thép chống lò (nhập mua)	0	55,412	44,775	10,637
- Thép làm cột chống	2,699	8,009	9,464	1,244
- Vật tư, phụ tùng khác	21,735	181,457	181,859	21,333
- Vật tư, sắt thép phế liệu	10,706	13,875	9,230	15,351
Nhiên liệu	0,190	43,900	43,965	0,124

Giá trị tồn kho vật tư cuối năm 2018 tăng hơn so với cuối năm 2017 là 15,476 tỷ đồng, tuy nhiên trong tổng số tồn kho có giá trị tồn thép chống lò để gổ đầu cho 2019 do phải sửa chữa dây chuyền cán (11,693 tỷ đồng). Tỷ lệ Tồn kho so với Tổng xuất kho sử dụng trong năm là 4,2%; tỷ lệ tồn kho so với Tổng giá trị vật liệu xuất kho sử dụng trong kỳ là 4,4 % (theo quy định của Tập đoàn TKV là 5%).

3.7. Công tác cơ điện và quản lý thiết bị

Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý vận hành, sửa chữa thiết bị cơ điện, đảm bảo duy trì năng lực thiết bị, đảm bảo số lượng huy động thiết bị phục vụ sản xuất đáp ứng cho các chương trình sản xuất trọng tâm và trọng điểm của Công ty (thiết bị thuộc dây chuyền cán thép, thiết bị gia công vì lò, thiết bị công đoạn cột chống thủy lực, thiết bị gia công kết cấu, thiết bị Đúc...); Hoàn thành đăng kiểm toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt theo quy định.

Công tác quản lý vận hành sửa chữa các thiết bị áp lực, thiết bị nâng tải, thiết bị đúc và vận tải cũng được duy trì thường xuyên liên tục; 100% các thiết bị nâng tải, vận tải và thiết bị áp lực được đưa vào kế hoạch kiểm tra, kiểm định và cấp phép theo đúng quy định; Các thiết bị nâng vận tải, thiết bị áp lực được định kỳ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch đảm bảo phục vụ an toàn cho sản xuất.

Trong công tác quản lý cung cấp và sử dụng năng lượng: đã đáp ứng cho nhu cầu sản xuất đảm bảo an toàn, tiết kiệm. Định kỳ, Công ty tiến hành bảo dưỡng kiểm tra các thiết bị cung cấp điện theo đúng kế hoạch, theo dõi chặt chẽ khâu tiêu thụ điện năng, tận dụng tối đa nguồn nước mưa, giếng khoan và nước tuần hoàn, hạn chế mua ngoài nhằm tiết kiệm chi phí.

3.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương

a) Công tác định mức

Tiếp tục rà soát sâu hơn, cụ thể hơn để điều chỉnh định mức phù hợp với điều kiện sản xuất và các quy định thay đổi mức tiền lương của TKV và Nhà nước. Hoàn thành xây dựng kịp thời định mức cho các mặt hàng mới đáp ứng tiến độ sản xuất.

b) Công tác quản lý lao động

- Thực hiện việc bố trí lao động, điều chuyển bổ sung lao động linh hoạt kịp thời theo yêu cầu của sản xuất.

- Công tác kiểm tra thống kê, báo cáo lao động được cập nhật hàng ngày tại hiện trường sản xuất các đơn vị.

- Công tác tái cơ cấu, đổi mới quản trị nội bộ: Thực hiện chỉ đạo và hướng dẫn của TKV, năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giản biên chế lực lượng lao động trong danh sách.

+ Về số liệu cụ thể (không tính lao động thời vụ):

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2018 (Người)	Lao động đến cuối năm 2018 (Người)		Lao động tăng, giảm trong năm 2018 (Người)	Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6=4-3	7
1	Lao động quản lý	140	135	16,9	-05	
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	99	85	10,6	-14	
3	Lao động công nghệ	572	581	72,5	9	
	Tổng:	811	801	100	-10	

c) Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động. Việc trả lương đảm bảo được sự công bằng hợp lý giữa những NLĐ công khai minh bạch, quán triệt trên nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc và chức vụ đó.

- Lao động bình quân trong danh sách đạt 882 người/936 lao động định mức bằng 94,23% Kế hoạch;

- Tổng quỹ lương ước đạt 94,105 tỷ đồng/81,48 tỷ đồng bằng 115,5% Kế hoạch; tiền lương bình quân của người lao động năm 2018 theo đơn giá kế hoạch đạt 8,89 triệu đồng/người/tháng, đạt 122,7 % kế hoạch năm 2018. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng cơ chế khuyến khích trả lương cho các thợ đầu ngành (chuyên gia) là 5 triệu đồng/tháng ngoài tiền lương sản phẩm, thợ đạt danh hiệu bàn tay vàng khuyến khích số tiền bằng 01 tháng lương cơ bản ngoài tiền lương sản phẩm;

** Thực hiện chế độ chính sách với người lao động*

- Nộp BHXH và quyết toán với cơ quan BHXH cấp trên kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty.

- Bên cạnh các giải pháp tăng cường cải thiện điều kiện làm việc. Công ty tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyên truyền để nắm rõ tác hại về bệnh nghề nghiệp, cách nhận biết phòng tránh bệnh nghề nghiệp, nâng cao ý thức để bảo vệ mình tốt hơn. Công ty đã phối hợp với Bệnh viện Than - Khoáng sản tổ chức khám bệnh định kỳ, kiểm tra sức khỏe cho CB, CN, NLĐ. Qua đó đã nắm bắt, phân loại sức khỏe cho người lao động, lấy đó làm cơ sở phân công bố trí công việc phù hợp.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn giữa ca, bảo đảm tuyệt đối ATVSTP; tăng cường các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại công trường trong thời tiết nắng nóng.

3.9. Công tác tài chính kế toán

18/10/2018

Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và đầu tư phát triển sản xuất. Tuy nhiên trong năm còn một số đơn vị có số dư nợ phải thu lớn, kéo dài làm ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty.

Tình hình tài chính

*** Vay ngắn hạn**

Số dư vay ngắn hạn ngày 01/01/2018: 201 tỷ đồng

Vay trong năm: 466 tỷ đồng

Trả trong năm: 472 tỷ đồng

Số dư vay ngắn hạn ngày 31/12/2018: 176 tỷ đồng; giảm 25 tỷ đồng so với đầu năm.

Tương ứng với số tiền vay ngắn hạn 466 tỷ đồng, số lãi vay phải trả là 11,5 tỷ đồng giảm 0,49 tỷ đồng so với năm 2017.

*** Vay dài hạn**

Số dư ngày 01/01/2018: 35,0 tỷ đồng

Vay trong năm: 11,98 tỷ đồng

Trả trong năm: 28,16 tỷ đồng

Số dư ngày 31/12/2018: 18,07 tỷ đồng; giảm 16,93 tỷ đồng

so với đầu năm, trong đó dư vay của Dự án cán thép là 28,5 tỷ đồng (vay của Ngân hàng CP TM Sài Gòn – Hà Nội).

*** Tình hình thanh toán nợ phải thu**

Năm 2018, công tác thu công nợ được cải thiện tốt hơn năm 2017. số tiền thu hồi công nợ được 1.628,4 tỷ đồng/1615,8 tỷ đồng nợ phải thu.

Số dư phải thu khách hàng ngày 01/01/2018: 303,2 tỷ đồng.

Số dư phải thu khách hàng ngày 31/12/2018: 295,5 tỷ đồng, giảm 7,7 tỷ đồng so với đầu năm.

Các khách hàng có số dư nợ lớn: Công ty CP Cơ khí mỏ và Đóng tàu – TKV: 72,2 tỷ đồng, Công ty Xây lắp mỏ TKV: 48,9 tỷ đồng.

*** Nợ phải thu khó đòi:** Các khoản nợ dây dưa như khoản nợ của dự án nhiệt điện Sơn Động không thay đổi do các nhà thầu vẫn chưa quyết toán xong với tổng thầu HPE Trung Quốc với số tiền: 10,5 tỷ đồng, số nợ này đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

*** Tình hình thanh toán nợ phải trả:**

Số dư phải trả người bán ngày 01/1/2018: 308,2 tỷ đồng

Tổng tiền mua vật tư, hàng hóa trong năm: 1.411,5 tỷ đồng

Tổng tiền trả người bán trong năm: 1.409,0 tỷ đồng

Số dư phải trả người bán ngày 31/12/2018: 310,7 tỷ đồng; tăng

2,5 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó nợ Tổng Công ty Khoáng sản TKV: 130,8 tỷ đồng, Công ty CP Khai khoáng Miền núi: 42,4 tỷ đồng.

*** Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thanh toán tiền lương cho CBCNV:**

Năm 2018 Công ty nộp ngân sách Nhà nước đúng thời hạn, đủ về số lượng tổng số tiền: 23,65 tỷ đồng, trong đó:

- Thuế đất: 2,02 tỷ đồng;
- Thuế Giá trị Gia tăng: 18,63 tỷ đồng;
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 1,99 tỷ đồng;
- Thuế Thu nhập cá nhân: 0,61 tỷ đồng;
- Thuế khác: 0,4 tỷ đồng;

Thu xếp thanh toán tiền lương hàng tháng, chi các khoản thưởng, phân phối lại tiền lương theo đúng thời hạn quy định Công ty với số tiền: 89,9 tỷ đồng.

*** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn)	0,80	0,78	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TS ngắn hạn – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn]	0,56	0,57	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,91	0,9	
+ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	9,52	9,43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,99	7,01	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,71	2,41	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,006	0,005	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,011	0,013	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,70	0,65	

3.10. Công tác an ninh, an toàn, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống mưa bão, bảo vệ môi trường

*** Công tác AT-VSLĐ-PCCN**

Ngay từ đầu năm Công ty xây dựng Kế hoạch AT-VSLĐ năm 2018 gồm 5 nội dung với tổng giá trị là 5.487,729 triệu đồng; kết quả thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ năm 2018: 7,13 tỷ/5,48 tỷ đồng tương ứng đạt 129,99 % kế hoạch năm; Thành lập và kiện toàn các Hội đồng: Thành lập Hội đồng An toàn, vệ

sinh lao động năm 2018.

Ban hành các Quy định: Quy định trách nhiệm quản lý AT-VSLĐ, BVMT trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN; Quy định khuyến khích tiền lương về việc thực hiện công tác AT-VSLĐ năm 2018.

Tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ cho toàn bộ công nhân tham gia sản xuất ở các đơn vị đạt 100%; phối hợp với các đơn vị có chức năng tổ chức các lớp huấn luyện, cấp thẻ an toàn cho 241 người lao động làm nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ (nhóm 3); 21 An toàn vệ sinh viên (nhóm 6); cấp chứng nhận huấn luyện ATLĐ, VSLĐ cho 56 người là cán bộ quản lý (nhóm 1); huấn luyện an toàn hóa chất cho 36 cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty làm các nghề có liên quan đến hóa chất; Phối hợp với các đơn vị trong TKV tổ chức huấn luyện an toàn cho 396 công nhân tham gia sửa chữa thiết bị ngoài Công ty; tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho 208 sinh viên đến thực tập và người lao động của các nhà thầu thi công các công trình trong Công ty.

Năm 2018, Công ty không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng, không xảy ra sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, vẫn còn để xảy ra 04 vụ tai nạn lao động nhẹ chủ yếu do chủ quan của người lao động như trượt ngã, va đập, chập điện khi đấu nối,... các vụ việc đều được tổ chức điều tra xác định rõ nguyên nhân.

** Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản*

- Trong năm 2018, Công ty thực hiện xã hội hóa thuê dịch vụ bảo vệ, phối hợp cùng với lực lượng bảo vệ của Công ty thực hiện tốt: các kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, an toàn tài sản và sẵn sàng trực chiến đấu trong các ngày Lễ, Tết và các kế hoạch trực SSCĐ theo yêu cầu của Ban CHQS thành phố Cẩm Phả; thực hiện việc giám sát xuất, nhập vật tư, hàng hóa ra vào Công ty đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong Công ty, công trường và trên địa bàn.

- Việc phòng chống gian lận thương mại được đặc biệt quan tâm qua việc hiệu chỉnh ban hành các quy định, quy chế về việc mua bán, thương mại, pháp chế, thanh kiểm tra (Quyết định số 3524/QĐ-VMC về phân công nhiệm vụ Hội đồng giá, Quyết định số 2630&3030/QĐ-VMC về thành lập Hội đồng xử lý nợ và phân công nhiệm vụ, Quyết định số 2420/QĐ-VMC về quy định kiểm soát vật tư, hàng hóa, Quyết định số 2884/QĐ-VMC về cán bộ thanh tra,...), trong năm 2018 không có hiện tượng gian lận thương mại.

- Thành lập Hội đồng tự quản và Ban tự quản các đơn vị trong Công ty. Phối hợp với Công an phường, các khu dân phố tăng cường công tác tuần tra giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Công ty quản lý.

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB, CN, NLĐ được giải quyết kịp thời nên không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

** Công tác Quân sự quốc phòng*

Cử cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ Tự vệ, DBĐV tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS

thành phố triệu tập. Tổ chức huấn luyện lực lượng DBĐV tham gia lễ ra quân huấn luyện do thành phố Cẩm Phả tổ chức.

** Công tác Phòng chống mưa bão – Bảo vệ môi trường*

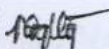
Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng Kế hoạch chi phí phòng chống mưa bão (PCMB) với tổng giá trị: 1.566 triệu đồng; thành lập Ban chỉ đạo PCTT-TKCN năm 2018 và xây dựng phương án PCTT-TKCN năm 2018, nạo vét, khai thông các hồ lắng và hệ thống thoát nước trong Công ty; tổ chức theo dõi diễn biến của cơn bão, triển khai các biện pháp phòng ngừa, bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng trực sẵn sàng 24/24h để giải quyết nhanh chóng và kịp thời các sự cố do mưa bão gây ra.

Công tác Môi trường: Công ty đã thực hiện đúng các quy định pháp luật BVMT. Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch chi phí BVMT thường xuyên năm 2018 với tổng giá trị: 2.275 triệu đồng, kết quả thực hiện năm 2018 với tổng giá trị: 1.853,67 triệu đồng, đạt 82,2% kế hoạch năm; Công tác phân loại, thu gom chất thải trong Công ty được thực hiện nghiêm túc, các chất thải được phân loại, thu gom đưa về kho chứa và thuê đơn vị bên ngoài có chức năng vận chuyển và xử lý để xử lý; phối hợp với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tiến hành quan trắc đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp 1 lần/quý, kết quả quan trắc cho thấy hiện trạng môi trường của Công ty vẫn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN, không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí

Triển khai việc thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị quyết số 20-NQ/ĐU ngày 10/4/2017 của Đảng ủy Tập đoàn, Chỉ thị số 123/CT-TKV ngày 13/6/2017 Tổng Giám đốc Tập đoàn về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020, Công ty đã ban hành Quyết định số 204/QĐ-VMC ngày 24/01/2018 về các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và Quyết định số 348/QĐ-VMC ngày 29/01/2018 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2018 để giao nhiệm vụ kèm theo các chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể đến tất cả các Phòng, Phân xưởng trong toàn Công ty. Từ đó, công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được kiện toàn, triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động.

Mặc dù trong năm 2018 có sự biến động tăng về giá cả vật tư sắt thép, xăng dầu, vật liệu đúc song Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả sản xuất: lợi nhuận đạt 9,898 tỷ đồng là do các biện pháp tiết kiệm chi phí góp phần tăng lợi nhuận trong năm 2018.



Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều chỉ tiêu của các Phân xưởng chưa đạt được kế hoạch do Công ty giao, chưa phát huy được nhiều sáng kiến cải tiến để hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí.

3.12. Các công tác khác

Phong trào văn hoá - thể thao của Công ty tiếp tục được duy trì. Công tác thi đua tuyên truyền luôn được quan tâm, hoạt động thi đua tuyên truyền luôn bám sát hoạt động SXKD của Công ty, kịp thời có tin bài trên đài truyền thanh và các phương tiện thông tin khác cho các ngày lễ lớn của đất nước.

Đặc biệt Công ty đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN (23/7/1968-23/7/2018) được tổ chức trang trọng, xúc động, có sức lan tỏa lớn đến các thể hệ CN, CB, NLĐ đã và đang công tác tại Công ty, góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp, nâng cao uy tín của Công ty với các đối, với chính quyền và nhân dân địa phương.

Công ty tổ chức kỷ niệm 82 năm ngày Truyền thống Công nhân vùng Mỏ - Truyền thống ngành Than, tôn vinh 2 Phân xưởng, 22 tổ đội về trước kế hoạch, 62 công nhân có bàn tay vàng, 12 kỹ sư giỏi.

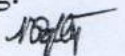
Ngoài ra, trong năm 2018 Công ty đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, chào mừng các ngày lễ lớn, tham gia Hội diễn của Tập đoàn TKV và đã đạt giải. Đã tổ chức các giải nội bộ (Giải cầu lông, Giải Bóng đá), tổ chức các trận giao hữu bóng đá, thể thao; Tham gia các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương. Các hoạt động văn hóa, thể thao đã góp phần làm phong phú đời sống vật chất, tinh thần và gắn bó, đoàn kết người lao động tạo không khí vui tươi phấn khởi, động viên CBCN, NLĐ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch hàng năm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công ty đã thực hiện toàn diện, thắng lợi các mặt sản xuất, công tác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

- Về chỉ tiêu doanh thu đạt 1.485/1.130 tỷ đồng, bằng 131% KH.
- Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận đạt 9,898/8,4 tỷ đồng, bằng 118% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 21,3 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 8.891.000/KH 7.254.000 đồng/người/tháng, đạt 122,6%.
- Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “**An toàn - Đổi mới - Phát triển**”; Đẩy mạnh các hoạt động VHTT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

* Kết quả thực hiện cả năm đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, ổn định việc làm cho người lao động, thu nhập bình quân thực tế đạt 8,89 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng triển khai toàn diện các mặt sản xuất, công tác, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động.



* Tuy nhiên, trong việc tổ chức điều hành SXKD còn có những hạn chế, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những giải pháp, phương án khắc phục để phần đầu hoàn thành kế hoạch của năm 2019.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu điều hành là: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu tổ chức và lao động; hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

Mục tiêu chung là: AN TOÀN – ĐỔI MỚI – PHÁT TRIỂN.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu	Tr.đ	1.285.000	
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	413.200	
3	Lao động định mức	Người	860	
4	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	78.778	
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ/ng/th	7,634	
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	9.000	
7	Cổ tức	%	9	
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	29.966	

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2019

2.1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường

Ổn định và giữ vững thị trường truyền thống trong TKV, phát triển các thị trường khác trong và ngoài TKV. Thực hiện các giải pháp tổng hợp phát triển thị trường (kỹ thuật, chất lượng, quản lý, quảng bá thương hiệu,...vv), trong đó tập trung đổi mới cơ chế tìm kiếm việc làm, cơ chế bảo hành sau bán hàng, cơ chế chăm sóc khách hàng

Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

- Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo chế tạo phụ tùng, thiết bị, thực hiện tốt kế hoạch PHKD trong việc sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than.

- Các mỏ khai thác than hầm lò: Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm phục vụ khai thác hầm lò. Tích cực tham gia các dự án đào lò và khai thác than trong lò.

Thị trường khác trong và ngoài TKV:

- Nghiên cứu tham gia sâu các dự án, công trình và cung cấp hàng hóa cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Đồng thời tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các Viện khoa học để đấu thầu các dự án lớn của Tập đoàn, kể cả hình thức đấu thầu EPC, trong đó chú trọng về việc liên danh liên kết chế tạo thiết bị cho các nhà máy tuyển quặng khoáng sản như Bô - xit, sắt, than, đồng..vv.

- Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản, ...: Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, các sản phẩm mà trước đây Công ty đã từng sản xuất, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường, tập trung hoàn thành Công trình chế tạo thiết bị cho Dự án thép Hòa Phát Dung Quất; Xây dựng các cơ chế, chính sách linh hoạt theo yêu cầu của thị trường, đào tạo đội ngũ CBCNV chuyên sâu về công tác đấu thầu, quản lý dự án để tăng cường công tác tìm kiếm việc làm...vv.

2.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật, công nghệ

Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý kỹ thuật, công nghệ; Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ theo hướng nâng cao trình độ tự động hóa, tin học hóa và đảm bảo môi trường; Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với quy mô, tính chất sản xuất của Công ty. Một số giải pháp cụ thể:

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới:

+ Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế và có chương trình đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, khả năng sử dụng các phần mềm tính toán, thiết kế hiện đại đối với đội ngũ kỹ sư kỹ thuật trong Công ty nhằm nâng cao chất lượng, tốc độ thiết kế.

+ Nghiên cứu, chế tạo phụ tùng, chế tạo thiết bị và sửa chữa thiết bị chế biến khoáng sản (tuyển, luyện,...) cho Công ty Gang thép Cao Bằng, Công ty luyện đồng Lào Cai thuộc Tổng Công ty Khoáng sản TKV, các ngành Điện, Xi măng, phân bón, hóa chất...Hợp tác trong và ngoài nước chế tạo sản phẩm mới.

+ Tiếp tục thực hiện các nội dung trong Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất dây chuyền cán thép để ổn định sản xuất và khai thác tối đa năng lực dây chuyền cán thép đáp ứng nhu cầu về số lượng, chủng loại thép chống lò của thị trường, sản xuất thành công thép SVP 33.

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá

trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng. Tăng cường xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký bảo hộ độc quyền sản phẩm.

- Đảm bảo năng lực thiết bị: thực hiện đúng các chế độ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị. Cải tạo hệ thống nhà xưởng; tiếp tục đầu tư thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu theo kế hoạch đầu tư. Dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (dây chuyền cán thép,...)

- Đảm bảo môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật BVMT, tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường lao động, môi trường cảnh quan trong Công ty. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại Phân xưởng Cán, Phân xưởng Đúc,...vv).

2.3. Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại tổ chức và nguồn nhân lực; sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức, cơ cấu lại lực lượng lao động và bố trí, sử dụng lao động một cách khoa học, hợp lý:

- Về mô hình tổ chức sản xuất: Giữ ổn định, phát huy hiệu quả sau quá trình sắp xếp.

- Về sử dụng lao động:

- + Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động.

- + Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ.

- + Chủ động linh hoạt trong công tác đào tạo, kèm cặp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và tay nghề cho CBCN; kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc. Có cơ chế khuyến khích đối với lao động có trình độ cao.

- Về cơ cấu lại lao động: Bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên tại từng giai đoạn một cách linh hoạt kết hợp với việc từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tinh giản biên chế, tiếp tục cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2019 – 2025;

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, trình độ, năng lực, ngoại ngữ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty.

Đảm bảo đội ngũ lãnh đạo đủ về số lượng, chất lượng và đảm bảo sự kế thừa, liên tục trong toàn Công ty. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp cao và cấp trung; quản lý nhân sự nội bộ trong toàn Công ty; Rà soát và bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ các cấp,...; Đào tạo bổ sung và phát triển nguồn nhân lực có năng lực, sẵn sàng cho một cơ cấu tổ chức mới trong tương lai.

2.4. Nhóm giải pháp về quản lý, điều hành

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế phối hợp, chỉ đạo giữa các tổ chức HĐQT, Đảng ủy, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của từng tổ chức trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong năm.

Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các giải pháp trọng tâm chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch năm 2019; Thực hiện có hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;...vv; Nâng cao chất lượng các cuộc họp và công tác sơ kết, tổng kết; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, tự giác theo tiêu chí 5S; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành.

2.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động

Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2019 được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm

Nguyễn

năng, thể mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2019 với mục tiêu chung: **ANTOÀN-ĐỔI MỚI-PHÁT TRIỂN**.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cần đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./. *Nguy*

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các đơn vị, tổ chức trong Công ty (e-copy);
- Lưu: Thư ký Công ty, VT.

**THÀNH VIÊN HĐQT
GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Tuấn

Phụ lục 1: BIỂU CHI TIẾT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Sản phẩm chủ yếu				
1	Sửa chữa thiết bị xe máy		51	57	112
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R...	xe	8	5	113
	- Máy xúc EKG5A, EKG 4,6	máy	10	9	90
	- Máy xúc thủy lực các loại	máy	10	7	70
	- Máy khoan xoay cầu CBIII	máy	7	9	129
	- Máy khoan các loại	máy	1	1	100
	- Sửa chữa thiết bị khác	Máy	15	22	147
2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.600	1.833	115
a	- Chế tạo thiết bị ngành than	Tấn	700	545	78
	+ Xe goong 3T	Xe		160	
	+ Giá chống thủy lực	Dàn	100	70	70
	+ Cột chống thủy lực	Cột	7.000	6.554	94
	+ Chế tạo máy xúc VMC - 500	Máy	2	2	100
b	- Chế tạo TB theo dự án trong TKV	Tấn	500	337	67
c	- Chế tạo thiết bị ngành khác	Tấn	400	951	238
3	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đồng	2.000	1.604	80
4	Chế tạo, phục hồi phụ tùng	Tấn	97.000	95.593	99
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	Tấn	500	320	64
	- Chế tạo vì lò	Tấn	31.000	29.014	94
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	Tấn	100	1.070	1070
	- Phục hồi phụ tùng ngành Than	Tấn	400	617	154
	- Cán thép vì chống lò	Tấn	65.000	64.572	99
5	XDCB tự làm và dịch vụ khác	Tr.đồng	10.500	13.381	127
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đồng	2.500	3.585	143
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đồng	8.000	9.796	122
II	Doanh thu	Tr.đồng	1.130.000	1.485.314	131
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	Tr.đồng	1.117.000	1.469.827	132
2	Doanh thu SX và dịch vụ khác	Tr.đồng	12.500	14.985	120
	Doanh thu XDCB tự làm và SXVL	Tr.đồng	2.500	3.585	143
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đồng	8.000	9.796	122
	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đồng	2.000	1.604	80
3	Doanh thu tài chính & khác	Tr.đồng	500	502	
III	Giá vốn	Tr.đồng	700.000	980.665	140
	+ Giá vốn thép chống lò	Tr.đồng	691.900	966.321	140
	+ Giá vốn KD vật tư, thiết bị	Tr.đồng	8.100	8.147	101
IV	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	430.000	504.147	117
	Sản xuất cơ khí	Tr.đồng	425.100	497.309	117
	Sản xuất, dịch vụ khác	Tr.đồng	4.900	6.838	140
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đồng	1.121.600	1.471.867	131
1	Chi phí trung gian	Tr.đồng	1.005.514	1.337.085	133
2	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đồng	116.086	134.782	116
	Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	19.956	28.905	145

	Tiền lương	Tr.đồng	81.482	94.105	115
	Trong đó: Quỹ lương Người quản lý	Tr.đồng	1.914	2.073	108
	Bảo hiểm xã hội, y tế, KP Công đoàn	Tr.đồng	14.648	11.772	80
	K.chuyển CP dở dang và huy động tồn kho	Tr.đồng		3.549	
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.400	9.898	118
VII	Lao động, thu nhập				
1	Lao động B/Q theo danh sách	người	936	882	94
2	Tiền lương B/Q	1000đ/ng/th	7.254	8.891	123
VIII	Cổ tức	%	8	10	125
IX	THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIAO KHOẢN				
1	Giá thành kế hoạch	CTKH	1.121.600	1.471.867	131
2	Giá thành kế hoạch điều chỉnh	CTKHĐC	1.320.511	1.471.867	111
3	Xác định mwcstieets kiệm (+), bội chi (-) E		11.041	9.898	-1.143
4	Chi phía ngoài kế hoạch theo yếu tố khách quan			1.471	328

18/10/14

Phụ lục 2: BIỂU CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	Ghi chú
1	2	3	7	8
I	Sản phẩm chủ yếu	-		
1	Sửa chữa thiết bị xe máy		51	
	- Sửa chữa xe gạt D85A, D7R...	Máy	8	
	- Máy xúc EKG 4,6-5A, 8I, 10U	Máy	9	
	- Máy xúc thủy lực các loại	Máy	8	
	- Máy khoan xoay cầu	Máy	8	
	- Máy khoan các loại	Máy	2	
	- Sửa chữa thiết bị khác	Máy	16	
2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.500	
	- Chế tạo thiết bị ngành than	Tấn	700	
	Trong đó:			
	+ Chế tạo toa xe 30 - 35T	Xe	-	
	+ Chế tạo giá chuyển hướng 30T	Cụm	-	
	+ Chế tạo máy xúc lật hông VMC	Máy	2	
	+ Dàn chống thủy lực di động	Dàn	50	
	+ Cột chống thủy lực	Cột	7.000	
	+ Chế tạo xe goòng 3T	Xe	50	
	- Chế tạo TB các dự án trong TKV	Tấn	400	
	- Chế tạo thiết bị ngành khác	Tấn	400	
3	Chế tạo, phục hồi phụ tùng	Tấn	66.300	
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	Tấn	500	
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	Tấn	300	
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	
	- Chế tạo vì lò	Tấn	29.500	
	- Cán thép vì chống lò	Tấn	65.000	
	Trong đó: Bán ra	Tấn	35.000	
4	XDCB tự làm và dịch vụ khác	Tr.đ	10.000	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	2.500	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	6.000	
	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đ	1.500	
II	Doanh thu	Tr.đ	1.285.000	
1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	Tr.đ	1.274.800	
	- Bán trong ngành than	Tr.đ	1.244.300	
	- Bán ngoài ngành than	Tr.đ	30.500	
2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	Tr.đ	10.000	
	Sản xuất vật liệu xây dựng	Tr.đ	2.500	
	Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	6.000	
	Sản xuất Ô xy - Ni tơ	Tr.đ	1.500	
II.2	Doanh thu hoạt động TC & khác	Tr.đ	200	
III	Giá vốn	Tr.đ	871.600	

10/1/19

	- Giá vốn phôi thép cán	Tr.đ	866.200	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	Tr.đ	5.400	
IV	Giá trị sản xuất	Tr.đ	413.200	
	<i>Giá trị sản xuất cơ khí</i>	Tr.đ	408.600	
	<i>Sản xuất, dịch vụ khác</i>	Tr.đ	4.600	
	+ Sản xuất VLXD	Tr.đ	2.500	
	+Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	600	
	+Sản xuất Ô xy, ni tơ	Tr.đ	1.500	
V	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	Tr.đ	1.258.857	
V.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	1.146.969	
	Nguyên vật liệu	Tr.đ	1.026.780	
	Nhiên liệu	Tr.đ	38.495	
	Động lực	Tr.đ	20.672	
	Chi phí khác	Tr.đ	34.137	
	Chi phí thuê ngoài	Tr.đ	26.886	
V.2	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đ	111.888	
	Khấu hao tài sản	Tr.đ	22.000	
	Tiền lương	Tr.đ	78.778	
	<i>Trong đó: VCQL</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>1.914</i>	
	Bảo hiểm xã hội, y tế, công đoàn	Tr.đ	11.110	
V.3	Chênh lệch đầu cuối kỳ	Tr.đ		
V.4	Chi phí hoạt động TC + khác	Tr.đ	17.060	
VI	Lợi nhuận	Tr.đ	9.000	
VII	Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương			
1	Lao động định mức	người	860	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>6</i>	
2	Tiền lương bình quân doanh nghiệp	1000đ/ng/th	7.634	
	<i>Tiền lương bq người lao động</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>7.500</i>	
	<i>Tiền lương bq (VCQL)</i>	<i>1000đ/ng/th</i>	<i>26.583</i>	
	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ giá trị SX)	đ/1000 đ	190	(Không bao gồm VCQL)
	Đơn giá tiền lương (đ/1000đ DT)	đ/1000 đ	62	(Không bao gồm VCQL)
VIII	Cổ tức	%	9	
IX	Nộp ngân sách		24.175	

Nguyen

Phụ lục 1: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch năm 2018						Thực hiện năm 2018				Ghi chú	
				Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn			Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			
					Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác...	Vay		Khấu hao TSCĐ		Xây dựng	Thiết bị		Quản lý, tư vấn, GPM B, khác ...
								Kế hoạch	Thương mại						
	Tổng số (B+C)			19.901	2.810	16.131	960	-	16.102	3.799	17.388	2.788	14.431	169	
A	KẾ HOẠCH NĂM 2018			19.901	2.810	16.131	960	-	16.102	3.799	17.388	2.788	14.431	169	
A.1	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN (I+II)			19.501	2.810	16.131	560	-	16.102	3.399	17.388	2.788	14.431	169	
I	Công trình chuyển tiếp			14.397	2.810	11.178	409	-	12.140	2.257	13.509	2.788	10.552	169	
I.1	Dự án nhóm A														
I.2	Dự án nhóm B														
I.3	Dự án nhóm C			14.397	2.810	11.178	409	-	12.140	2.257	13.509	2.788	10.552	169	
1	Phục hồi tài sản cố định năm 2017			94	-	-	94	-	-	94	94	-	-	94	
	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán			94			94			94	94			94	
2	Nâng cấp hệ thống điện, khí nén			5.087	2.425	2.459	203	-	4.857	230	4.959	2.425	2.459	75	
	Gói số 1: Thiết kế và cài tạo hệ thống đường dây trên không 35kV	Gói	1	2.500	2.425		75		2.500	-	2.500	2.425		75	
	Gói thầu số 2: Cung cấp và lắp đặt Hệ thống tụ bù trung thế	Gói	1	1.562		1.562			1.460	102	1.562		1.562		
	Gói thầu số 3: Cung cấp máy nén khí	Gói	1	897		897			897	-	897		897		
	Gói số 4: Kiểm toán	Gói	1	78			78			78					
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			50			50			50					
3	Đầu tư phương tiện vận tải, nâng tải phục vụ sản xuất			1.612	-	1.500	112	-	1.200	412	1.006	-	1.006,0	-	
	Gói số 2: Cầu trục 10 tấn	Gói	1	1.500		1.500			1.200	300	1.006		1.006		
	Gói số 4: Kiểm toán	Gói	1	62			62			62					
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán			50			50			50					
4	Đầu tư duy trì phát triển sản xuất năm 2017-2018			7.604	385	7.219	-	-	6.083	1.521	7.450	363	7.087,0	-	
	Gói số 1: Lò nung phối trung tần	Gói	1	902		902			722	180	853		853		

Nguyễn

	Gói số 2: Kho chứa dầu nhờn	Gói	1	385	385				308	77	363	363		
	Gói số 3: Máy hàn MIC 500A; Máy cưa vòng (phôi D500); máy đo độ cứng	Gói	1	825		825			660	165	822		822	
	Gói số 4: Hệ thống phun bi làm sạch kim loại	Gói	1	990		990			792	198	930		930	
	Gói số 5: Máy cắt tôn phẳng 16 mm, chiều dài băng máy 6m	Gói	1	3.578		3.578			2.862	716	3.578		3.578	
	Gói số 8: Xe ô tô 16 chỗ phục vụ sản xuất	Gói	1	924		924			739	185	905		905	
II	Công trình khởi công mới			5.104	-	4.953	151	-	3.962	1.142	3.880	-	3.880	-
II.1	Dự án nhóm A													
II.2	Dự án nhóm B													
II.3	Dự án nhóm C			5.104	-	4.953	151	-	3.962	1.142	3.880	-	3.880	-
1	Phục hồi tài sản cố định năm 2018			5.104	-	4.953	151	-	3.962	1.142	3.880	-	3.880	-
	Máy khoan cần 2M58	Cái	1	120		120			96	24	128		128	
	Lò nấu đồng 0,5T KGPS - 250	Cái	1	506		506			405	101	-			
	Lò nhiệt luyện 8T/mẻ	Cái	1	616		616			493	123	581		581	
	Máy ép thủy lực 630T II6738 №115	Cái	1	201		201			161	40	206		206	
	Máy biến thế 10000 KVA TDHC 35/6-1	Cái	1	2.200		2200			1.760	440	1.826		1826	
	Xe tải thùng 15T 14C-02195	Xe	1	528		528			422	106	500		500	
	Xe tải ben KAMAZ- 6520-780 14C-1932	Xe	1	462		462			370	92	461		461	
	Cầu trục dầm kép 10T №2689	Cái	1	320		320			256	64	178		178	
	Chi phí quản lý dự án			-					-	-	-			
	Chi phí tư vấn, khác			151			151			151	-			
B.2	ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, QUY HOẠCH, CHUẨN BỊ DỰ ÁN			400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-
I	Dự án nhóm A													
II	Dự án nhóm B													
III	Dự án nhóm C			400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-
1	Dự án Đầu tư nâng cấp tự động hóa thiết bị công nghệ			400	-	-	400	-	-	400	-	-	-	-
	Lập dự án đầu tư	Gói	1	400			400			400				

Handwritten signature

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ, THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch năm 2019						
				Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn		Khấu hao TSCĐ
					Xây dựng	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác...	Vay		
								Kế hoạch	Thương mại	
	Tổng số (A+B+C)			29.966	-	27.521	2.445	-	23.425	6.541
A	TRẢ NỢ KHỎI LƯỢNG NĂM TRƯỚC			-	-	-	-	-	-	-
B	KẾ HOẠCH NĂM 2019			6.985	-	6.300	685	-	5.040	1.945
B.1	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN (I+II)			6.500	-	6.300	200	-	5.040	1.460
I	Công trình chuyển tiếp			6.500	-	6.300	200	-	5.040	1.460
I.1	Dự án nhóm A									
I.2	Dự án nhóm B									
I.3	Dự án nhóm C			6.500	-	6.300	200	-	5.040	1.460
1	Đầu tư duy trì phát triển sản xuất năm 2017-2018			6.500	-	6.300	200	-	5.040	1.460
	Gói số 6: Máy doa ngang	Gói	1	6.300		6.300			5.040	1.260
	Kiểm toán, thẩm tra, quyết toán dự án			200	-		200			200
II	Công trình khởi công mới			-	-	-	-	-	-	-
II.1	Dự án nhóm A									
II.2	Dự án nhóm B									
II.3	Dự án nhóm C			-	-	-	-	-	-	-
B.2	ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, QUY HOẠCH, CHUẨN BỊ DỰ ÁN			485	-	-	485	-	-	485
I	Dự án nhóm A									
II	Dự án nhóm B									
III	Dự án nhóm C			485	-	-	485	-	-	485
1	Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ			150	-	-	150	-	-	150

18/10/19

	Chi phí lập dự án	Gói	1,0	150			150			150
2	Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2019			85	-	-	85	-	-	85
	Lập BC KT-KT dự án	Gói	1,0	85			85			85
3	Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2019-2020			100	-	-	100	-	-	100
	Lập BC KT-KT dự án	Gói	1,0	100			100			100
4	Dự án Nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép			150	-	-	150	-	-	150
	Lập BC KT-KT dự án	Gói	1,0	150			150			150
C	DỰ PHÒNG			22.981	-	21.221	1.760	-	18.385	4.596
I	Dự án nhóm A									
II	Dự án nhóm B									
III	Dự án nhóm C			22.981	-	1.221	1.760	-	18.385	4.596
1	Dự án Đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ			2.860	-	1.100	1.760	-	2.288	572
1.1	Thiết bị nhiệt luyện bề mặt kim loại công suất 250 kW	HT	1,0	1.100		1.100			880	220
1.2	Hệ thống quản lý nhân lực (phần mềm và thiết bị kiểm soát tự động)	HT	1,0	440			440		352	88
1.3	Phần mềm thiết kế công nghệ đúc	Gói	1,0	1.320			1.320		1.056	264
2	Dự án Phục hồi tài sản cố định năm 2019			8.820	-	8.820	-	-	7.056	1.764
2.1	Phục hồi Máy doa ngang 2A635	Cái	1,0	1.001		1.001			801	200
2.2	Phục hồi Máy tiện 165 N0 16167	Cái	1,0	429		429			343	86
2.3	Phục hồi Cầu trục dầm kép 32/5 tấn N0 2191	Cái	1,0	350		350			280	70
2.4	Phục hồi Cầu trục dầm kép 5 tấn N0 2195	Cái	1,0	275		275			220	55
2.5	Phục hồi Cầu trục dầm kép 5 tấn N0 4803	Cái	1,0	275		275			220	55
2.6	Phục hồi Lò ram chi tiết IHH-34	Cái	1,0	550		550			440	110
2.7	Máy biến thế 10000 kVA TDHC 35/6-2 (thay thế 08 tủ phân phối 6 kV)	Cái	1,0	2.200		2.200			1.760	440
2.8	Xe ô tô cần cẩu TADANO 50 tấn	Cái	1,0	1.320		1.320			1.056	264
2.9	Cải tạo hệ thống xử lý nước thải sau mạ (thuộc hệ thống mạ điện)	HT	1,0	2.420		2.420			1.936	484
3	Dự án Đầu tư duy trì phát triển sản xuất			3.820	-		-	-	3.056	764

	2019-2020					3.820				
3.1	Máy cắt dây CNC, chiều dày cắt ≥ 500 mm	Máy	1,0	1.430		1.430			1.144	286
3.2	Máy mài lưỡi cưa, đường kính lưỡi cưa ≥ 1800 mm	Máy	1,0	550		550			440	110
3.3	Xe nâng người (thang nâng), chiều cao nâng $\geq 13,0$ m, sức nâng $\geq 0,3$ tấn	Xe	1,0	286		286			229	57
3.4	Xe nâng hàng 5 tấn	Xe	1,0	880		880			704	176
3.5	Thiết bị cắt xấp 2D (làm mẫu)	Máy	1,0	124		124			99	25
3.6	Máy dẫn khuôn (phục vụ làm khuôn đúc trên máy)	Máy	2,0	550		550			440	110
4	Dự án Nâng cao năng lực sản xuất kết cấu thép			7.481	-	7.481	-	-	5.985	1.496
4.1	Xây dựng nhà xưởng	m ²	432,0	3.136		3.136			2.509	627
4.2	Hệ thống điện động lực, chiếu sáng	HT	1,0	440		440			352	88
4.3	Máy hàn đính dầm tự động	Máy	1,0	880		880			704	176
4.4	Máy hàn dầm 2 mô dạng công	Máy	1,0	770		770			616	154
4.5	Máy nắn thẳng dầm	Máy	1,0	605		605			484	121
4.6	Hệ thống phun bi, kích thước phôi gia công (rộng x cao x dài) $\geq 1.100 \times 1.600 \times 15.000$ mm	HT	1,0	1.650		1.650			1.320	330

Handwritten signature

Số: 757/BC-VMC

Cầm Phá, ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2018

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị báo cáo với Đại hội đồng cổ đông 2019 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019, nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018 TRONG NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn gồm có 5 thành viên:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 Hội đồng quản trị tổ chức kỳ họp thứ 116 đã thông qua báo cáo từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Trọng Hùng cùng Quyết định số 1306/QĐ – TKV ngày 23/7/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn của TKV và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN là ông Nguyễn Văn Tứ. Việc kiện toàn công tác tổ chức sau khi bầu bổ sung thành viên HĐQT như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên HĐQT	Kiểm nhiệm

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 27/2/2008 đã được sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 26/4/2018.

- Hàng năm HĐQT đã báo cáo Đại hội cổ đông thường niên về hoạt động của HĐQT, cụ thể về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc điều hành trong năm tài chính.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2018

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn ngay từ đầu năm 2018, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, chủ động áp dụng kịp thời chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý

Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, chỉ đạo sâu sát đối với hoạt động ban Giám đốc Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được mục tiêu của Kế hoạch điều chỉnh đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động, cụ thể:

TT	Chi tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2017	KH Đại hội cổ đông 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %	
						So với TH 2017	So với KH ĐHCĐ 2018
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.123.726	1.130.000	1.485.314	132	131,4
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	441.256	430.000	504.147	114	117,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.583	8.400	9.898	115	108
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.862		7.902	115	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	11,02		13,42	122	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	14,6		16,82	115	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	556.926		533.732	96	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		201.871		176.229	0,87	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	35.822		22.238	0,62	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		35.022		18.065	0,52	
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		0,80		0,77	0,98	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	81.340	81.482	94.105	115,6	115,5
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	938	936	882	94	94
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng/th	7,226	7,254	8,891	123	122,7
13	Cổ tức	%	8	9	10	125	111

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên từ 2018

(Chữ ký)

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Pháp luật, tuân thủ các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên. Hoạt động của HĐQT đều nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, phát triển nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định. Trong năm 2018 đã tiến hành 14 cuộc họp và đã ban hành 14 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua các chỉ tiêu và kết quả thực hiện của kế hoạch sản xuất tháng, quý của Công ty;

- Thông qua chiến lược phát triển của Công ty trong giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn đến năm 2035.

- Thông qua phương án mô hình tổ chức, định biên và phương án sắp xếp lao động cuối năm 2018.

- Quyết định, phê duyệt Dự toán các công trình đầu tư duy trì sản xuất hàng năm.

- Quyết định về cơ cấu tổ chức các phòng, phân xưởng, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

- Quyết định về ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT đã chỉ đạo, quyết nghị, phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm và chiến lược phát triển Công ty và giao cho Giám đốc triển khai thực hiện.

2.1. Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2018, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song Công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... nhìn chung đã đạt được yêu cầu đề ra.

2.2. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

- + Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

- + Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được rà soát hoàn thiện, trong năm đã bổ sung chỉnh

sửa Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng, Phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc,...vv.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2018 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động. Đào tạo cập nhật kiến thức về đầu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

2.3. Về công tác đầu tư xây dựng:

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Cụ thể như sau:

Giá trị thực hiện năm 2018 đạt: 17.388 triệu đồng/ 19.901 triệu đồng đạt 87% kế hoạch điều chỉnh năm, trong đó:

- Chi phí xây lắp: 2.788/2.810 triệu đồng đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Chi phí thiết bị: 14.431/16.131 triệu đồng đạt 89% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Chi phí khác: 169/960 triệu đồng đạt 18% kế hoạch điều chỉnh năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện Công ty tuân thủ các văn bản pháp luật, các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định. Nhìn chung các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

2.4. Công tác giám sát của HĐQT

Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời. Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc:

Qua việc giám sát và đánh giá kết quả công tác, cho thấy Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động ban hành và chỉ đạo quyết liệt các nhóm giải pháp. Đã chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản – an toàn lao động. Vì vậy Công ty đã hoàn thành

tốt mục tiêu: Duy trì sản xuất, giữ vững đội ngũ và ổn định đời sống của người lao động hoàn thành các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối, thoái thác nhiệm vụ đồng thời đã tham mưu đề xuất để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả tốt. Trong năm 2018 các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được HĐQT Công ty đánh giá là đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nhận xét chung: Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trong năm 2018 đã tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng, trong năm 2018 đã thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đều đúng hướng, đúng mục tiêu. Từng bước đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

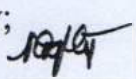
- Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù đạt được rất nhiều cố gắng và đạt được kết quả tốt ở các lĩnh vực chỉ đạo, quản lý, tuy nhiên về công tác quản trị Công ty còn có hạn chế về thu hồi công nợ. Các hạn chế tồn tại này cần phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

2.5. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông :

Trong các năm qua, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gồm:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm;
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động năm kế tiếp;
- Chi cổ tức cho cổ đông và tạm ứng cổ tức hàng năm kịp thời;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp và tình hình thực tế tại Công ty;



- Lựa chọn Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, giải quyết hiệu quả các vấn đề quản lý.

- Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, có chữ ký các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp, đảm bảo đúng nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước khi họp.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí cao và đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.7. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

a) Đánh giá kết quả hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị:

- Mặc dù còn nhiều khó khăn, HĐQT Công ty đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành để bảo đảm Công ty hoạt động ổn định, vượt qua khó khăn.

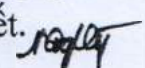
- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu, hoàn thành tốt các chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các nghị quyết, biên bản cuộc họp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc :

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty, từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của ban điều hành.

- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.



- Trong năm 2018 Giám đốc và Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018.

2.8. Kết luận:

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018 – 2023

1. Tình hình chung :

Trong những năm tiếp theo (2019-2023) được dự báo việc làm, vốn và thị trường vẫn là vấn đề nóng bỏng, cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt. Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2019

- Chỉ tiêu doanh thu: 1.285 tỷ đồng
- Chỉ tiêu lợi nhuận: 9 tỷ đồng
- Chỉ tiêu cổ tức cổ đông: 9%
- Tiền lương bình quân: 7,634 Triệu đồng/người/tháng.
- Lao động định mức: 860 người.
- Giá trị đầu tư: 29,966 Tỷ đồng.

3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.

Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết

HĐQT trong năm 2018. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tứ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY VINACOMIN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính : đồng VN

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	415.499.647.321	443.415.597.274
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2.408.347.150	1.695.679.474
II - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	294.739.759.110	304.184.880.657
Trong đó:			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	295.459.358.490	303.187.000.061
Phải thu ngắn hạn khác	136	24.800.219.888	20.337.879.160
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(27.707.719.268)	(25.051.720.321)
IV- Hàng tồn kho	140	112.141.623.233	133.071.716.038
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	6.209.917.828	4.463.321.105
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	199.372.684.922	211.598.816.550
I - Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II - Tài sản cố định	220	189.801.328.133	203.716.698.747
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260	9.571.356.789	7.882.117.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	614.872.332.243	655.014.413.824
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	555.971.406.385	592.748.120.975
I - Nợ ngắn hạn	310	533.732.801.231	556.926.221.172
Trong đó:			
Phải trả người bán ngắn hạn	311	310.716.183.862	308.251.631.582
Phải trả người lao động	314	23.861.499.176	19.755.398.246
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.790.539.307	4.415.453.970
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	176.229.690.934	201.871.480.724
II - Nợ dài hạn	330	22.238.605.154	35.821.899.803
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	58.900.925.858	62.266.292.849
I - Vốn chủ sở hữu	410	58.900.925.858	57.070.627.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.288.730.519	1.498.205.970
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.638.685.339	8.598.911.248
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	5.195.665.631
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	614.872.332.243	655.014.413.824

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017
1. Tổng doanh thu	1.485.313.984.480	1.123.726.186.428
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	7.902.471.820	6.862.697.729
3. Tổng số phải nộp Ngân sách	23.654.140.677	17.205.055.371
4. Tổng số đã nộp Ngân sách	23.032.053.991	18.298.165.085
5. Tổng quỹ lương	94.105.172.000	81.340.057.860
6. Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.891.267	7.226.373

NGƯỜI LẬP



Phạm Thu Hương

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Tuấn

Số: 707 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN được Đại hội đồng Cổ đông sửa đổi thông qua ngày 26/4/2018;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán năm 2018 của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được soát xét và thẩm định.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua với những nội dung như sau:

1. Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2018	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2018
A	Tài sản ngắn hạn	443.415.597.274	415.499.647.321
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.695.679.474	2.408.347.150
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	1.695.679.474	2.408.347.150
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	304.184.880.657	294.739.759.110
1	Nợ phải thu khách hàng	303.187.000.061	295.459.358.490
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.348.452.757	2.187.900.000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	363.269.000	
4	Phải thu ngắn hạn khác	20.337.879.160	24.800.219.888
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.051.720.321)	(27.707.719.268)
III	Hàng tồn kho	133.071.716.038	112.141.623.233
1	Hàng tồn kho	135.265.889.673	115.253.942.468
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.194.173.635)	(3.112.319.235)

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2018	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2018
IV	Tài sản ngắn hạn khác	4.463.321.105	6.209.917.828
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	1.934.593.506	5.004.837.732
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	2.528.727.599	1.205.080.096
B	Tài sản dài hạn	211.598.816.550	199.372.684.922
I	Tài sản cố định	203.716.698.747	189.801.328.133
1	Tài sản cố định hữu hình	203.436.041.346	189.617.315.465
	- Nguyên giá	520.029.412.906	535.583.942.540
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(316.593.371.560)	(345.966.627.075)
II	Tài sản cố định vô hình	280.657.401	184.012.668
	- Nguyên giá	523.444.170	523.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(242.786.769)	(339.431.502)
III	Tài sản dở dang dài hạn	-	-
1	Chi phí XDCB dở dang	-	-
IV	Tài sản dài hạn khác	7.882.117.803	9.571.356.789
1	Chi phí trả trước dài hạn	7.882.117.803	9.571.356.789
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	655.014.413.824	614.872.332.243
C	Nợ phải trả	592.748.120.975	555.971.406.385
I	Nợ ngắn hạn	556.926.221.172	533.732.801.231
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	201.871.480.724	176.229.690.934
2	Phải trả người bán ngắn hạn	308.251.631.582	310.716.183.862
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.700.678.039	6.757.910.542
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	67.975.263	690.061.949
5	Phải trả người lao động	19.755.398.246	23.861.499.176
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	389.455.859	4.800.000
7	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	1.292.500
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	10.936.441.133	12.752.159.325
9	Phải trả ngắn hạn khác	4.415.453.970	1.790.539.307
10	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.537.706.356	928.663.636
II	Nợ dài hạn	35.821.899.803	22.238.605.154
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.021.899.803	18.065.258.000
2	Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.373.347.154
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	800.000.000
D	Vốn chủ sở hữu	62.266.292.849	58.900.925.858
I	Vốn chủ sở hữu	57.070.627.218	58.900.925.858

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2018	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2018
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.498.205.970	2.288.730.519
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.598.911.247	9.638.685.339
	- LNST chưa phân phối năm trước	1.736.213.519	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	6.862.697.729	7.902.471.820
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	5.195.665.631	-
1	Nguồn kinh phí	1.257.813.000	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	3.937.852.631	.
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	655.014.413.824	614.872.332.243

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.122.885.877.503	1.484.811.904.998
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	1.122.885.877.503	1.484.811.904.998
4	Giá vốn hàng bán	1.030.631.356.140	1.373.930.961.573
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.254.521.363	110.880.943.425
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.572.879	9.399.373
7	Chi phí tài chính	20.584.569.776	16.820.743.864
	Trong đó: Chi phí lãi vay	19.563.040.944	16.474.767.062
8	Chi phí bán hàng	(1.544.911.704)	13.163.481.504
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.372.616.824	71.315.702.152
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7.866.819.346	9.590.415.278
11	Thu nhập khác	815.736.046	492.680.109
12	Chi phí khác	98.577.330	184.985.819
13	Lợi nhuận khác	717.158.716	307.694.290
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.583.978.062	9.898.109.568
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.721.280.333	1.995.637.748
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.862.697.729	7.902.471.820
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP)	1.461	1.682

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	32,3	32,4
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	67,7	67,6
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,5	90,4
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,5	9,6
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	9,5	9,4
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,56	0,57
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,80	0,78
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,05	1,28
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,61	0,53
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,02	13,41

4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Kết thúc năm 2018, cổ tức của Công ty tạm phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là 9%, việc trích lập các quỹ, quỹ thường Ban điều hành và cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 lúc đó Công ty mới thực hiện hạch toán phân chia cổ tức và các quỹ tại ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD (b/c);
- Các Cổ đông;
- Các Ủy viên BKS;
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hoàng Mạnh Hùng

Số: 705 /BKS-VMC

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT, Ban Giám đốc
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018**

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã ban hành theo Quyết định số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số: 2119/QC-BKS ngày 27 tháng 7 năm 2016,

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát trên các mặt hoạt động đối với nhiệm vụ SXKD năm 2018 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2018 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;
- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn; Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT, các văn bản quản lý khác của Nhà Nước và Tập đoàn;
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban giám đốc đối với các phòng ban, phân xưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư và công tác tái cơ cấu sắp xếp lao động;
- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng;
- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được HĐQT Công ty phê duyệt, việc thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên;

- Giám sát các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế quản lý các chi phí trong nội bộ Công ty;

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ trong Công ty;

- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc (Khi được mời họp) với tinh thần trách nhiệm, tham gia ý kiến tích cực, khách quan với HĐQT và Ban giám đốc Công ty về các nội dung của cuộc họp;

- Hàng quý BKS thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

Kết quả giám sát thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 thông qua các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu	Tr.đ	1.130.000	1.484.811	131,3
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	430.000	504.147	117,2
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	79.550	94.105	118,2
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	7,254	8,891	122,6
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.400	9.898	117,8
6. Cổ tức	%	9	9	

2. Về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT

- Trong năm 2018, thành viên HĐQT đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Từng thành viên HĐQT chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 1286/QĐ-VMC ngày 14/5/2018. HĐQT thực hiện chức năng quản lý và điều hành Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định;

- HĐQT thông qua nội dung kế hoạch SXKD năm 2018, đề xuất các biện pháp điều hành kế hoạch từng tháng, quý nhằm thực hiện đạt mục tiêu nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 đề ra, phê duyệt tạm thời kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;

- Trên cơ sở các quy định mới của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo công tác sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế

như Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế quản lý công tác vật tư, Quy chế xử lý nợ, ban hành hệ thống thang bảng lương và các chế độ phụ cấp lương, Quyết định về cơ cấu tổ chức các phòng, phân xưởng trong Công ty,...vv;

- HĐQT đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2035 để báo cáo Chủ sở hữu và các cấp liên quan.

Đánh giá về hoạt động quản lý Công ty của HĐQT trong năm 2018

- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2018 đã hoàn thành tốt trách nhiệm chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quyết định phân công nhiệm vụ số 1286/QĐ-VMC ngày 14/5/2018 và Quyết định số 2225/QĐ-VMC ngày 10/8/2018;

- HĐQT đã chủ động xây dựng kế hoạch công tác theo lĩnh vực được phân công, ban hành các Nghị quyết kịp thời về các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để ban Giám đốc Công ty chủ động điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT có sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT. Nghị quyết ban hành được tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;

- Việc thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của Cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức,...vv đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra;

Ban kiểm soát đánh giá rất cao sự nỗ lực, tính năng động của từng thành viên HĐQT trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh trong năm qua, góp phần đem lại việc làm ổn định cho người lao động, về Doanh thu tăng 31,3% so với Nghị quyết; về lợi nhuận trước thuế tăng 17,8%; về thu nhập bình quân của người lao động tăng 22,6% so với Nghị quyết. Về tầm nhìn và chiến lược phát triển Công ty trong những năm tiếp theo được định hướng rõ ràng, có triển vọng đối với sự phát triển của Công ty và các cổ đông của Công ty cũng được yên tâm.

3. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Nghị quyết của HĐQT để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành Giải pháp nâng cao hiệu quả dây chuyền cán thép; Giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất,...vv. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty; Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu đó như: Chỉ tiêu sản lượng hiện vật, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, tiền lương

thu nhập. Chú trọng công tác thực hành tiết kiệm trong chi phí sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản và các khoản chi phí bằng tiền khác;

- Ban Giám đốc đã thực hiện việc rà soát, sắp xếp kiện toàn mô hình tổ chức sản xuất hợp lý trình HĐQT phê duyệt phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế tại Công ty;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, thực hiện theo đúng chủ trương nghị quyết của HĐQT để đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu theo KHPKD như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3
1	Chế tạo thiết bị				
	- Thiết bị ngành than	Tấn	700	519,52	74,2
	+ Cột chống thủy lực các loại	Cột	7.000	5.303	75,7
	+ Giá khung thủy lực di động	Bộ	100	70	70
	- Máy xúc VMC 500	Máy	2		
	- Xe goòng 3 tấn	Xe	-	85	
	- Thiết bị theo dự án trong TKV	Tấn	500	337,4	67,5
	- Thiết bị khác	Tấn	400	950,78	237,7
2	Chế tạo phụ tùng	"			
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	500	733,29	146,7
	Trong đó: Gông lò	Bộ		1.680	
	- Phụ tùng khác	Tấn	100	1.065,15	1.065,2
	- Vì chống lò các loại	Tấn	31.000	29.013,78	93,6
	- Thép cán vì lò	Tấn	65.000	64.572,2	99,3
	Trong đó: Bán ra	Tấn	34.000	39.406,14	116
3	Sửa chữa thiết bị xe máy				
	- Xe gạt các loại	Cái	8	9	112,5
	- Máy xúc 4,6; 5A; 8u	Cái	10	9	90
	- Máy xúc thủy lực các loại	Cái	10	7	70
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	7	9	128,6

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh (%) TH/KH
A	B	C	1	2	3
	- Máy khoan khác	Cái	1	1	100
	- Thiết bị khác	Cái	15	22	146,7
4	Phục hồi phụ tùng	Tấn	400	588,5	147,1
5	Doanh thu	Tr đ	1.130.000	1.484.811	131,4
6	Lợi nhuận	Tr đ	8.400	9.898	117,8
7	Thu nhập bình quân	Tr đ	7,25	8,89	122,6
8	Cổ tức	%	9	9	100
9	Giá trị ĐTXDCB	Tr đ	19.901	15.764	80

Đánh giá: Ban Giám đốc trong năm 2018 đã thực hiện tốt chức năng chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT Công ty. Ban hành các giải pháp quản lý, điều hành sản xuất năm 2018 có hiệu quả, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra và Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra như: Về doanh thu, lợi nhuận, về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất, các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và địa phương được kịp thời, đảm bảo thu nhập bình quân tiền lương tháng cho người lao động được nâng cao, đặc biệt là về cổ tức cho các cổ đông và bảo toàn được vốn kinh doanh.

4. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành đối với các cán bộ quản lý khác

Năm 2018, đối với Công ty còn gặp nhiều khó khăn như: Về tiếp thị các sản phẩm có thể mạnh do Công ty sản xuất (cột chống thủy lực, giá khung thủy lực di động, máy xúc VMC 500,...vv) khó khăn về đội ngũ thợ có tay nghề cao, khó khăn trong việc tham gia đấu thầu các dự án trong và ngoài ngành than, khó khăn về tình hình thanh toán công nợ phải thu, phải trả. Trước những khó khăn đó, các cán bộ quản lý được Giám đốc giao nhiệm vụ đã kịp thời tham mưu cho Giám đốc chủ động điều hành sản xuất, khai thác tốt công việc từ ngoài ngành, bố trí hợp lý lao động và cơ cấu lại lao động từ phòng ban, phân xướng hợp lý đảm bảo sử dụng lao động có hiệu quả góp phần đem lại việc làm và thu nhập của người lao động.

III. Giám sát các mặt hoạt động khác

1. Quản lý vốn, bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu đầu kỳ: 57.070.627.218 đ
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 58.900.925.858 đ
- Tổng số vốn điều lệ đến 31/12/2018: 46.973.510.000 đ

Trong đó:

- Vốn đầu tư của TKV: 19.251.000.000 đ, bằng 1.925.100 CP chiếm 40,98 %;
 - Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng: 3.450.000.000 đ, bằng 345.000 CP chiếm 7,34%;
 - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam: 722.710.000 đ, bằng 72.271 CP chiếm 1,53%;
 - Công đoàn Công ty CP Chế tạo máy: 704.660.000 đ, bằng 70.466 CP chiếm 1,5%;
 - Công ty chứng khoán FPT: 300.000 đ, bằng 30 CP chiếm 0,00063%;
 - Vốn Cổ phần phổ thông (các cổ đông cá nhân): 22.844.840.000 đ, bằng 2.284.484 CP chiếm 48,63 %
- + Vốn chủ sở hữu:

ĐVT: đồng

Nội dung	Năm 2017	năm 2018
Vốn chủ sở hữu	57.070.627.218	58.900.925.858
1.Vốn đầu tư của CSH (TK 411)	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển (TK 414)	1.498.205.970	2.288.730.519
3. Lợi nhuận sau thuế chưa PP	8.598.911.248	9.638.685.339

Công ty đã mở sổ sách theo dõi và hạch toán tình hình biến động của nguồn vốn theo quy định. Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Hệ số bảo toàn vốn năm 2018: 1,03 lần

+ Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 90,4 %

+ Nợ phải trả / Vốn CSH = 9,4 lần

+ Khả năng TT hiện thời (TSNH/Nợ NH) = 0,78 lần

+ Vòng quay vốn lưu động đạt 3,5 vòng/năm

+ Vòng quay hàng tồn kho 11 vòng/năm.

Bố trí cơ cấu vốn:

+ Tỷ lệ đầu tư tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2018: 67,6 %; Năm 2017: đạt 67,7%

+ Tỷ lệ đầu tư tài sản dài hạn/tổng tài sản năm 2018: 32,4 %; Năm 2017: 32,3%.

Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XDCB trọng điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn hạn

dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến kỳ thanh toán trong thời điểm chưa thu được tiền bán hàng.

Tổng số vốn huy động trong kỳ: 1.035,97 tỷ đồng

Trong đó : - Vay chi đầu tư XD CB: 11,98 tỷ đồng

- Vay chi hoạt động sản xuất kinh doanh: 1.023,9 tỷ đồng.

Số dư vốn vay đến 31/12/2018: 194,29 tỷ đồng;

Trong đó:

- Số dư vốn vay cá nhân ngoài Công ty của Chi nhánh: 720 tr đồng

- Vốn vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại: 176,229 tỷ đồng

- Vay dài hạn các Ngân hàng: 18,065 tỷ đồng

2. Quản lý tài sản và sử dụng tài sản:

- Tổng cộng tài sản đến 31/12/2018: 614,87 tỷ đồng, giảm so năm 2017 là 40,14 tỷ đồng. Trong đó giảm các khoản phải thu ngắn hạn 9,44 tỷ đồng; Giảm hàng tồn kho 20,93 tỷ đồng; Giảm TSCĐ hữu hình 13,91 tỷ đồng;

- Đối với tài sản là vốn bằng tiền gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng: Công ty đã mở sổ sách theo dõi các khoản thu chi theo thứ tự ngày tháng phát sinh và nội dung kinh tế phát sinh. Cuối tháng được xác nhận số dư trên sổ sách với số dư thực tế thông qua biên bản kiểm quỹ và xác nhận sổ phụ với các ngân hàng. Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng được kiểm soát chặt chẽ, không để số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng quá lớn trên tài khoản, tập trung ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn với các ngân hàng và khách hàng nhằm giảm dư gốc vay và lãi phát sinh;

- Đối với khoản phải thu công nợ với khách hàng và phải thu công nợ khác: Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ theo Quyết định số 2689/QĐ-VMC ngày 28/9/2016 và thành lập hội đồng xử lý nợ theo Quyết định số 2630/QĐ-VMC ngày 14/9/2018 để phân công nhiệm vụ và quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Hội đồng xử lý nợ Công ty. Đối với khoản phải thu ngắn hạn khách hàng thường xuyên có số dư nợ phải thu lớn, Công ty đã chủ động làm việc với các khách hàng để thanh toán tiền hàng và thường xuyên thông báo các khoản nợ của các đơn vị mua thép lò và vì chống lò với Ban Kế toán Tập đoàn nhờ thu hộ thông qua bù trừ công nợ hoặc chuyển tiền trực tiếp về tài khoản của Công ty.

3. Giám sát đối với công tác quản lý vật tư

- Công ty đã thực hiện tốt Quy chế quản lý vật tư số 1985/QĐ-VMC ngày 15 tháng 07 năm 2016 và Quy chế số 1010/QĐ-TKV ngày 10 tháng 06 năm 2015 của Tập đoàn. Việc mua bán vật tư, tài sản đều tuân thủ theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty đã ban hành, đảm bảo cơ chế công khai, minh bạch trong từng khâu tổ chức mua sắm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất của Công ty;

- Đối với quản lý hàng tồn kho: Công ty thực hiện nhập - xuất vật tư hàng hóa được theo dõi trên thẻ kho, định kỳ có xác nhận số dư trên thẻ kho giữa kế

toán và thủ kho. Nhằm quản lý tốt hàng hóa trong kho, Công ty đã phân loại và lập hồ sơ đề xuất trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với những loại vật tư chậm luân chuyển, khó tiêu thụ, lạc hậu kỹ thuật nhằm từng bước xử lý bán thu hồi vốn. Công tác nhập xuất vật tư hàng hóa được thực hiện theo Quyết định số 1985/QĐ-VMC ngày 15 tháng 07 năm 2016 (nay là Quyết định số 4089/QĐ-VMC ngày 31/12/2018);

Trong năm 2018, Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc phấn đấu giảm giá trị tồn kho, hạn chế mua vật tư dự trữ theo kế hoạch, chỉ mua những loại vật tư đã xác định thực sự cần thiết cho sản xuất để tránh tồn kho trong khi việc huy động vốn để dự trữ vật tư là rất khó khăn;

Giá trị thực hiện mua sắm vật tư trong năm 2018: 1.204,22 tỷ/1.243,87 tỷ theo Hợp đồng. Gồm có:

+ Vật tư mua trong TKV: 986,02 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua trong Ngành có Hợp đồng: 985,98 tỷ đồng/ 990,35 tỷ đồng. Trong đó nhập mua phôi thép của Tổng Công ty Khoáng sản 69.101 tấn với giá trị 914,32 tỷ đồng.

- Giá trị vật tư mua trong ngành không có hợp đồng: 42,90 triệu đồng

+ Vật tư mua ngoài TKV: 218,2 tỷ đồng, Trong đó:

- Giá trị vật tư mua ngoài có hợp đồng: 216,05 tỷ đồng /253,51 tỷ đồng

- Giá trị vật tư mua ngoài không có hợp đồng: 2,19 tỷ đồng

Giá trị vật tư xuất kho trong năm 2018 thực hiện 1.203,62 tỷ đồng trong đó; xuất cho sản xuất 1.202,1 tỷ đồng; xuất gia công 624 triệu đồng; xuất bán sắt thép phế liệu 897 triệu đồng.

Giá trị tồn kho đến 31/12/2018 là 48,68 tỷ đồng, Trong đó: Tồn thép SVP 22, SVP27 656,6 tấn với giá trị 10,63 tỷ đồng; Tồn kho sắt thép phế liệu các loại 4.790,49 tấn với giá trị tồn kho 17,056 tỷ đồng; tồn kho vật tư thu hồi chưa có phương án giải quyết 3,066 tỷ đồng; tồn kho phụ tùng sửa chữa thường xuyên 5,93 tỷ đồng.

Giá trị tồn kho vật tư đến thời điểm cuối năm 2018 đảm bảo tỷ lệ tồn kho dưới 6% trên tổng số xuất kho vật tư đã dùng cho sản xuất, dưới mức yêu cầu điều hành quản lý tồn kho vật tư của TKV.

4. Giám sát thực hiện công tác sửa chữa lớn:

- Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 theo Công văn số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017 là 9.285 triệu đồng;

- Thực hiện theo Công văn trên đến 31/12/2018 Công ty đã thực hiện 08/08 công trình với giá trị 7.976,13 triệu đồng, đạt 86% về giá trị thực hiện và đạt 100% về thiết bị vào sửa chữa lớn;

- Số lượng công trình sửa chữa lớn thực hiện thông qua chào hàng cạnh tranh trong TKV và thuê ngoài TKV là 05 công trình với giá trị thực hiện 6.601,13 triệu đồng /7.085 triệu đồng; Công trình sửa chữa lớn do Công ty tự làm là 04 công trình với giá trị thực hiện 1.375 triệu đồng /2.200 triệu đồng;

- Công ty đã phân bổ giá trị sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2018 với giá trị 332,38 triệu đồng, còn lại hạch toán vào chi phí chờ phân bổ trả trước dài hạn.

Đánh giá về công tác sửa chữa lớn TSCĐ năm 2018:

- Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Công văn số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017 của TKV v/v thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2018. Việc lập dự toán, phê duyệt quyết toán sửa chữa lớn, xét chọn đơn vị sửa chữa, nghiệm thu bàn giao đưa tài sản sau sửa chữa lớn vào hoạt động và phân bổ các chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2018 được thực hiện theo đúng quy định, đúng chế độ.

5. Giám sát tình hình quản lý và thực hiện đầu tư năm 2018:

- Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2018 được TKV Thông báo điều chỉnh theo Công văn số 5648/TKV-ĐT ngày 29/10/2018 với giá trị là : 19.901 tr đ. Mọi công tác liên quan đến chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đều tuân thủ theo luật đấu thầu và Quy chế quản lý đầu tư tại Công ty. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 đạt 15.990 triệu đồng /19.901 triệu đồng, đạt 80 % kế hoạch năm. Về thực hiện giá trị các công trình đầu tư trong năm 2018 so với dự toán ban đầu giảm được 4.137 triệu đồng. Nguyên nhân giảm là do thực hiện tốt công tác lập hồ sơ phục vụ công tác đấu thầu qua mạng nên đã tiết kiệm được chi phí đầu tư so với dự toán ban đầu. Cụ thể Dự án phục hồi TSCĐ năm 2018 giảm được 1.542 triệu đồng; Dự án đầu tư duy trì và PTSX năm 2017-2018 giảm được 813 tr triệu đồng; Dự án nâng cấp hệ thống điện, khí nén giảm được 614 tr triệu đồng; Dự án đầu tư phương tiện vận tải, nâng tải phục vụ sản xuất giảm 586 tr triệu đồng;

- Hầu hết các hạng mục đầu tư chủ yếu được triển khai trong quý 4/2018 vì có liên quan đến thủ tục chào hàng cạnh tranh, thủ tục xét dự thầu trong việc lập, phê duyệt mua sắm đầu tư XDCB. Số lượng công trình, hạng mục đầu tư trong năm 2018 Công ty thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt góp phần vào việc ổn định tình hình sản xuất của Công ty.

6. Công tác quản lý lao động, tiền lương

6.1 Công tác quản lý lao động

Năm 2018 Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, tinh giảm biên chế lực lượng lao động trong danh sách theo chỉ đạo và hướng dẫn của TKV. Sắp xếp lại mô hình tổ chức từ 09 phòng, 08 phân xưởng, 01 Chi nhánh thành 07 phòng, 08 phân xưởng và 01 Chi nhánh. Số lượng lao động sau khi sắp xếp lại đã giảm 19 người gồm có lao động quản lý (05), lao động phục vụ(06)và phụ trợ. Tuy nhiên tỷ lệ lao động quản lý chiếm trong tổng số lao động có mặt đến 31/12/2018 vẫn còn ở mức 15%. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục tinh giảm sắp xếp lại lực lượng lao động quản lý để phù hợp với mô hình quản lý của Công ty và yêu cầu của TKV.

6.2 Quản lý tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Công ty được trích theo đơn giá 185 đ tiền lương/1000 đ giá trị sản xuất. Tổng quỹ lương thực hiện năm 2018 là 94.105 tr đồng; trong đó quỹ lương của Viên chức quản lý 2.073 tr đồng. Việc trả lương căn cứ theo khối lượng sản phẩm công việc hoàn thành và cấp bậc công việc theo quy chế tiền lương của Công ty. Thu nhập tiền lương bình quân tháng của người lao động năm 2018 tăng so với năm 2017 là 23%.

7. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát.

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và có tốc độ tăng trưởng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những ý kiến đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát luôn được Ban Giám đốc tiếp thu và có chỉ đạo cụ thể nhằm đáp ứng theo yêu cầu quản lý quy định. Trong năm 2018, Ban kiểm soát chưa nhận được bất cứ sự phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh tại Công ty.

IV. Các kiến nghị của Ban kiểm soát

Năm 2018 là một năm đối với Công ty tuy có gặp một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng kết thúc năm kế hoạch Công ty đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và hoàn thành Hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV. Trong đó doanh thu sản xuất tăng 31,3% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế tăng 17,8% so với Nghị quyết Đại hội cổ đông; Vốn của cổ đông và các nhà đầu tư được bảo toàn; Cổ tức tăng 15,1% so với cùng kỳ năm 2017. Số dư phải thu khách hàng, hàng tồn kho và các khoản vay ngắn hạn ngân hàng đều giảm so với năm 2017.

Tuy nhiên về quản lý vốn và tài sản trong năm 2018 vẫn còn tồn tại những vấn đề chưa được giải quyết tháo gỡ như: Dự án Vàng Danh II vẫn đang trong giai đoạn quyết toán chưa thể xác định được giá trị quyết toán toàn bộ công trình, giá trị bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ bàn giao công trình; Số lượng hàng hóa cho Công ty than Nam Mẫu vay mượn với giá trị lớn đến nay vẫn chưa được thu hồi được; Công tác khoán quản trị chi phí theo Quyết định 1588/QĐ-TKV ngày 25/8/2017 vẫn chưa được triển khai (hiện nay là Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 12/2/2019 V/v ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty); Giá trị tồn kho đối với vật tư thu hồi và vật tư phế liệu với giá trị lớn chưa có phương án giải quyết; tài sản cố định đã hết khấu hao, tháo dỡ không còn nguyên trạng chưa được làm thủ tục thanh lý kịp thời; Tỷ lệ lao động gián tiếp vẫn còn cao so với yêu cầu quản lý,...vv.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 và công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết các nội dung sau đây:

1. Đề nghị Công ty cần ưu tiên tập trung giải quyết dứt điểm thu hồi hàng hóa đã cho Công ty than Nam Mẫu vay mượn từ tháng 2/2015 đến nay vẫn chưa xong với giá trị 19,291 tỷ đồng.

2. Công ty tiếp tục đôn đốc, phối hợp với các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán gói thầu EPC Dự án Vàng Danh II theo Công văn số 93/TTĐHSX-ĐT ngày 18/2/2019 và Thông báo kết luận số 43/TB-TKV ngày 12/3/2019 của Tổng Giám đốc TKV để xác định giá trị còn lại của gói thầu làm cơ sở tính doanh thu và tính thuế GTGT (công trình đã bàn giao cho chủ đầu tư ngày 10/11/2017);

3. Công ty cần sớm hoàn chỉnh phương án sử dụng hiệu quả lượng sắt thép phế liệu tồn kho và lượng vật tư thu hồi từ các dự án đang tồn kho với khối lượng và giá trị rất lớn để tăng hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tăng nhanh vòng quay hàng tồn kho.

4. Đôn đốc Công ty Kiểm toán để hoàn thành báo cáo kiểm toán công trình Dự án cán thép lò, thép hình U, I để có cơ sở làm tờ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị quyết toán công trình theo Thông tư 09.

5. Cần ban hành sớm Quy chế quản trị chi phí trong nội bộ Công ty theo hướng dẫn tại Quyết định 212/QĐ-TKV ngày 12/2/2019 V/v ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty.

6. Định kỳ 6 tháng hoặc kết thúc năm kế hoạch cần phân tích hoạt động kinh tế đối với công tác quản trị chi phí nội bộ Công ty, công tác tính giá thành sản xuất đối với hoạt động sản xuất thép cán, chế tạo vì lò, sửa chữa thiết bị, các yếu tố tác động đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty,...vv, để từ đó có biện pháp điều chỉnh đem lại hiệu quả trong quản trị chi phí.

V. Kế hoạch công tác năm 2019

- Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty. Thay mặt cổ đông thực hiện kiểm soát mọi hoạt động điều hành Công ty; Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý thẩm tra tính trung thực số liệu của báo cáo tài chính, tham mưu với HĐQT, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.

- Tiến hành kiểm soát theo kế hoạch chương trình đã được xây dựng ngay từ đầu năm, thời gian và nội dung cụ thể sẽ được Ban kiểm soát thông báo với các đơn vị được kiểm tra để chuẩn bị hồ sơ tài liệu.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và báo cáo giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 tại Công ty. Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc và đặc biệt là các cổ đông đã luôn tin tưởng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Kính chúc các Quý vị luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống, chúc Đại hội đồng cổ đông của Công ty thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty; Ban GD(b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS;
- Lưu: Ban KS.



Số: 706 /TTr-VMC

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

I. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính chấp thuận cho các doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề theo Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018.

- Có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có năng lực trình độ cao với nhiều năm kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

II. Danh sách đề xuất các Công ty Kiểm toán

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính:

Tầng 15- Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính:

Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh:

Số 8 Chu Văn An, Thành phố Hạ Long

3. Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Trụ sở chính:

Tầng 20, Tòa nhà ICON 4, Số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

III. Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đánh giá đây là các công ty kiểm toán độc lập có uy tín hàng đầu Việt Nam, được nhiều đơn vị có lợi ích công chúng tin cậy ký hợp đồng thực hiện dịch vụ kiểm toán. Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua danh sách trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao Giám đốc điều hành ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban GD(b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS;
- Lưu: BKS.



Số: 758 /TTr-VMC

Cầm Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc Phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần
Chế tạo máy – VINACOMIN.

Căn cứ Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu
tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp
do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo máy –
VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 3665/QĐ-HĐQT ngày 28/12/2014 của Hội đồng
Quản trị Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN ban hành “Quy chế tài chính
trong Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN”;

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn phương án chi trả cổ tức và
trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Ghi chú
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	7.902.471.820	
2	Chi trả cổ tức năm 2018	4.697.351.000	10% vốn điều lệ
3	Trích lập các quỹ năm 2018	3.205.120.820	
3.1	Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	0	
3.2	Quỹ thưởng VCQL	259.114.500	Bằng 1,5 tháng lương thực hiện của VCQL trong năm 2018
3.3	Quỹ khen thưởng	2.062.204.424	70% số còn lại sau khi trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ thưởng VCQL
3.4	Quỹ phúc lợi	883.801.896	30% số còn lại sau khi trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ thưởng VCQL

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các đơn vị, tổ chức trong Công ty (e-copy);
- Lưu; T.ký Công ty, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tứ

Số: 759/TTr-VMC

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối thù lao 2018 và kế hoạch thù lao 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 26/4/2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phân phối thù lao 2018 và kế hoạch thù lao 2019 như sau:

1. Thực hiện 2018

1.1. Tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	KH năm 2018	TH năm 2018
1	2	3	4	5
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	357.240.000	386.880.000
2	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	316.920.000	343.200.000
3	Bùi Xuân Hạnh	Phó Giám đốc	316.920.000	343.200.000
4	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	316.920.000	343.200.000
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng	289.560.000	313.560.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	316.920.000	343.200.000
	Tổng		1.914.480.000	2.073.240.000

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2018	TH năm 2018
1	2	3	4	5
1	Trưởng BKS	01	316.920.000	343.200.000
	Tổng:		316.920.000	343.200.000

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2018	TH năm 2018 (đã chi trả 80% KH)
1	2	3	4	5
1	Chủ tịch HĐQT	1	61.680.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT	4	237.120.000	237.120.000
3	Thành viên BKS	2	105.120.000	105.120.000
	Cộng	7	403.920.000	403.920.000

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

2. Kế hoạch 2019

2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	2	3	4	5
1	Trưởng BKS	01	26.410.000	316.920.000
	Tổng		26.410.000	316.920.000

2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS không chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao tháng (ng/th)	Tổng tiền thù lao năm 2019
1	2	3	4	5	6	7
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT	24.700.000	4	20%	4.940.000	237.120.000
3	Thành viên BKS	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
	Cộng:	72.300.000	7			403.920.000

3. Phương thức chi trả:

Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, ĐU (e-copy);
- BGD, BKS (e-copy);
- Website: chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các đơn vị, tổ chức trong Công ty (e-copy);
- Lưu; T.ký Công ty, VT.



Số: 760 /CTr-VMC

Cầm Phả, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh
của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Công ty CP Chế tạo máy - VINACOMIN.

Căn cứ Điều 32, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; mục b khoản 1 Điều 49 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4632/QĐ-BCT ngày 14/12/2018 của Bộ Công Thương về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN và ban hành kèm theo Giấy chứng nhận có nội dung:

- Mã số đăng ký chứng nhận: 25-18/GCNĐĐK-BCT;
- Phạm vi kiểm định: Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý Bộ Công Thương;
- Đối tượng kiểm định: Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành sử dụng trong khai thác hầm lò.

Thực hiện Chiến lược phát triển dài hạn của Công ty trên thị trường cung cấp thiết bị khai thác hầm lò, chỉ tiêu SXKD năm 2019 của Công ty trong việc sản xuất và kiểm định Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành sử dụng trong khai thác hầm lò, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 4632/QĐ-BCT ngày 14/12/2018 của Bộ Công Thương để Công ty hoàn thiện các thủ tục đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh và thực hiện.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (e-cppy);
- Các cổ đông(e-cppy);
- Lưu: TK Công ty.



Số: 761 /CTr-VMC

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

Căn cứ Điều 156, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; khoản 6 Điều 26 Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ kết quả bầu cử thành viên HĐQT tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2018; Quyết định số 1306/QĐ-TKV ngày 23/7/2018 về việc thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của TKV và Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN; Nghị quyết kỳ họp thứ 116/NQ –VMC ngày 30/7/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN về việc thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Nguyễn Trọng Hùng và bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Tứ là người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) làm thành viên HĐQT Công ty; Nghị quyết số 117/NQ-VMC ngày 01/8/2018 thông qua kết quả bầu cử Chủ tịch HĐQT Công ty đối với ông Nguyễn Văn Tứ, Hội đồng quản trị Công ty Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 xem xét miễn nhiệm đối với ông Nguyễn Trọng Hùng và bầu ông Nguyễn Văn Tứ vào HĐQT Công ty.

Về thông tin cá nhân ông Nguyễn Văn Tứ:

a) Họ và tên: NGUYỄN VĂN TỨ

b) Ngày tháng năm sinh: ngày 22 tháng 02 năm 1964.

c) Trình độ học vấn: Đại học.

d) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tài chính, Kỹ sư Kinh tế

đ) Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Học/ hoặc làm việc gì/ chức vụ gì	Ở đâu
02/1988 đến 4/1990	Cán bộ kế toán	Xy nghiệp Vận tải Đường sắt – Công ty Than Cẩm Phả
5/1990 đến	Cán bộ kế toán	Xy nghiệp Cảng và Kinh doanh than -

6/1993		Công ty Than Cẩm Phả
7/1993 đến 6/1995	Phó phòng Kế toán	Xí nghiệp Cảng và Kinh doanh than - Công ty Than Cẩm Phả
7/1995 đến 11/1995	Trưởng phòng Kế toán	Xí nghiệp Cảng và Kinh doanh than - Công ty Than Cẩm Phả
12/1995 đến 6/1996	Kế toán trưởng	Xí nghiệp Cảng và Kinh doanh than - Công ty Than Cẩm Phả
7/1996 đến 12/1997	Quyền Kế toán trưởng	Công ty Cảng và Kinh doanh than – Tổng Công ty (TKV)
01/1998 đến 6/1999	Kế toán trưởng	Công ty Cảng và Kinh doanh than – Tổng Công ty (TKV)
7/1999 đến 4/2007	Phó Giám đốc	Công ty Cảng và Kinh doanh than – Tổng Công ty (TKV)
5/2007 đến 3/2016	Giám đốc	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Tập đoàn TKV
4/2016 đến 8/2017	Trưởng ban Thanh tra – Bảo vệ	Tập đoàn TKV
9/2017 đến 7/2018	Trưởng ban Bảo vệ	Tập đoàn TKV
Từ 01/8/2018 đến nay	Trưởng Ban - Thành viên ban quản lý Vốn TKV	Tập đoàn TKV

e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT;
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban - Thành viên Ban Quản lý vốn - Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam

g) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty:

Trong thời gian từ ngày 01/8/2018 đến nay với chức trách là thành viên HĐQT và được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Văn Tứ trong 6 tháng đã tiến hành duy trì các hoạt động của HĐQT:

- Ban hành các quyết sách lớn, chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT đều tuân thủ theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận của các thành viên HĐQT.

- Tổ chức 08 cuộc họp HĐQT, ban hành 08 nghị quyết (từ số 117 đến 124), nội dung các nghị quyết đã bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty tại từng thời điểm làm cơ sở cho Ban Giám đốc điều hành thực hiện tốt các công tác SXKD và các mặt công tác khác của Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Tứ tiếp cận công việc nhanh và hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc chủ động, khẩn cấp, phát huy hết năng lực của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, luôn đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông và của Công ty.

h) Các lợi ích có liên quan tới Công ty: không;

i) Cổ đông đề cử ứng viên: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

j) Các thông tin khác:

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 031064004605 - Ngày cấp: 23/01/2018.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Khu 3, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Số cổ phần nắm giữ: 1.925.100; chiếm 40,98% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
+ Cá nhân sở hữu: Không

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 xem xét thông qua:

1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Nguyễn Trọng Hùng theo Nghị quyết kỳ họp thứ 116/NQ-VMC ngày 30/7/2018 của HĐQT.

2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Nguyễn Văn Tứ theo Nghị quyết số 117/NQ-VMC ngày 01/8/2018 của HĐQT.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (e-copy);
- Các cổ đông(e-copy);
- Lưu: TK Công ty.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN TƯ Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 22/02/1964 ;Nơi sinh: Xã Lê Lợi-Huyện An Dương- Hải Phòng
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD/Hộ chiếu: 031064004605 – Cấp ngày 23/01/2018
5. Địa chỉ thường trú: Tổ 14, khu3,Hồng Gai , Hạ Long, Quảng Ninh
6. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng 36558558 ; Di động: 0913265869
7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính, kỹ sư Kinh tế
8. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:Trưởng ban - Thành viên Ban Quản lý vốn - Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam
10. Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Học/hoặc làm việc gì/ chức vụ gì	Ở đâu
02/1988 đến 04/1990	Cán bộ kế toán	XN Vận tải Đường sắt – Công ty Than Cẩm Phả
05/1990 đến 06/1993	Cán bộ kế toán	XN Cảng và Kinh doanh than-Công ty Than Cẩm Phả
07/1993 đến 06/1995	Phó phòng kế toán	XN Cảng và Kinh doanh than-Công ty Than Cẩm Phả
07/1995 đến 11/1995	Trưởng phòng kế toán	XN Cảng và Kinh doanh than-Công ty Than Cẩm Phả
12/1995 đến 06/1996	Kế toán trưởng	XN Cảng và Kinh doanh than-Công ty Than Cẩm Phả

07/1996 đến 12/1997	Q.Kế toán trưởng	Công ty Cảng và Kinh doanh than-Tổng Công ty (TKV)
01/1998 đến 06/1999	Kế toán trưởng	Công ty Cảng và Kinh doanh than-Tổng Công ty (TKV)
07/1999 đến 04/2007	Phó Giám đốc	Công ty Cảng và Kinh doanh than-Tổng Công ty (TKV)
05/2007 đến 03/2016	Giám đốc	Công ty Kho vận và Cảng Cầm Phá- Tập đoàn TKV
04/2016 đến 08/2017	Trưởng ban Thanh tra-Bảo vệ	Tập đoàn TKV
09/2017 đến 07/2018	Trưởng ban Bảo vệ	Tập đoàn TKV

11. Tham gia tại các đơn vị, tổ chức khác (chỉ kê khai đối với phần tỷ lệ sở hữu chiếm từ 5% trở lên)

Tên công ty	Địa chỉ	Giấy CNDKKD	Ngày cấp/ Nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ góp vốn
					Không
					Không
					Không

14. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)...Không.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 08 năm 2018

